

## MỤC LỤC

<i>Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM</i> .....	2
<i>Chương I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯỜNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG</i> .....	5
<i>Chương II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, ĐỀ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)</i> .....	10
<i>Chương III: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.</i> .....	40
<i>Chương IV: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA, GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI</i> .....	59
<i>Chương V: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI</i> .....	78

# **Chương mở đầu: ĐỐI TƯỢNG, NHIỆM VỤ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU MÔN ĐƯỜNG LỐI CÁCH MẠNG CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

## **MỤC TIÊU**

1. *Về kiến thức:* Giúp cho sinh viên hiểu được đối tượng môn học, mục đích, yêu cầu, chức năng, nhiệm vụ của môn học, phương pháp nghiên cứu, học tập và ý nghĩa khoa học và thực tiễn của môn học Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam.

2. *Về kỹ năng:* Trên cơ sở nắm bắt nội dung bài học giúp sinh viên hiểu hơn những cơ sở để Đảng và Nhà nước đưa ra đường lối của mình qua các giai đoạn lịch sử.

## **I. ĐỐI TƯỢNG VÀ NHIỆM VỤ NGHIÊN CỨU**

### **1. Đối tượng nghiên cứu**

#### **1.1. Khái niệm “Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam”**

- Sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố hàng đầu quyết định mọi sự thắng lợi của cách mạng Việt Nam

- Đường lối cách mạng của Đảng là hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng về mục tiêu, phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp của cách mạng Việt Nam. Đường lối cách mạng của Đảng được thể hiện qua cương lĩnh, nghị quyết, chỉ thị... của Đảng.

- Xét một cách tổng thể thì đường lối Cách mạng của Đảng bao gồm đường lối đối nội và đường lối đối ngoại

- Đường lối cách mạng của Đảng là toàn diện và phong phú như: Đường lối độc lập dân tộc gắn liền với Chủ nghĩa xã hội, đường lối cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa...

- Đường lối cách mạng của Đảng chỉ có giá trị chỉ đạo thực tiễn khi phản ánh đúng quy luật khách quan. Vì vậy phải xây dựng đường lối cách mạng đúng đắn

### ***1.2.. Đối tượng nghiên cứu môn học***

- Đối tượng nghiên cứu môn học là sự ra đời của Đảng và hệ thống quan điểm, chủ trương, chính sách của Đảng trong tiến trình cách mạng Việt Nam - từ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân đến cách mạng xã hội chủ nghĩa.

- Môn Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam có quan hệ mật thiết với môn: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin và môn tư tưởng Hồ Chí Minh vì môn đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam là sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

- Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam không chỉ nói lên sự vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh mà còn bổ sung, phát triển và làm phong phú thêm chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

### **2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Làm rõ sự ra đời tất yếu của Đảng Cộng sản Việt Nam - chủ thể kế hoạch định đường lối cách mạng Việt Nam.

- Làm rõ quá trình hình thành, bổ sung và phát triển đường lối cách mạng của Đảng.

- Làm rõ kết quả thực hiện đường lối cách mạng của Đảng trong tiến trình Cách mạng Việt Nam.

## **II. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ Ý NGHĨA CỦA VIỆC HỌC TẬP MÔN HỌC**

### **1. Phương pháp nghiên cứu**

#### ***1.1. Cơ sở phương pháp luận***

Nghiên cứu, học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam phải trên cơ sở thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin và các quan điểm có ý nghĩa phương pháp luận của Hồ Chí Minh và các quan điểm của Đảng.

#### ***1.2. Phương pháp nghiên cứu***

Phương pháp nghiên cứu chủ yếu là phương pháp lịch sử và phương pháp logic, ngoài ra có sự kết hợp các phương pháp khác như phân tích, tổng hợp, so sánh, quy nạp và diễn dịch, cụ thể hóa và trừu tượng hóa... thích hợp với từng nội dung của môn học.

## **2. Ý nghĩa của việc học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam**

- Trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về đường lối của Đảng trong thời kỳ cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân và trong thời kỳ xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Bồi dưỡng cho sinh viên niềm tin vào sự lãnh đạo của Đảng theo mục tiêu, lý tưởng của Đảng, nâng cao ý thức trách nhiệm của sinh viên trước những nhiệm vụ trọng đại của đất nước.

- Giúp sinh viên vận dụng kiến thức chuyên ngành để chủ động, tích cực trong giải quyết những vấn đề kinh tế, chính trị, văn hóa, xã

## **III. LƯỢNG GIÁ**

1. Hãy phân tích ý nghĩa của việc học tập môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam?

2. Là Sinh viên thì cần phải làm gì để học tập tốt môn Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam?

# **Chương I: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ CƯƠNG LĨNH CHÍNH TRỊ ĐẦU TIÊN CỦA ĐẢNG**

## **MỤC TIÊU:**

### **1. Về kiến thức:**

- Giúp sinh viên hiểu rõ hoàn cảnh lịch sử thế giới, trong nước cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX và ảnh hưởng của nó với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thấy được vai trò của Nguyễn Ái Quốc trong việc thành lập Đảng.

- Nắm vững nội dung cương lĩnh đầu tiên của Đảng và ý nghĩa sự ra đời của Đảng.

### **2. Về kỹ năng:**

- Sự kiện thành lập Đảng và việc ngay khi ra đời đã có cương lĩnh chính trị xác định đúng đắn con đường cách mạng là giải phóng dân tộc theo khuynh hướng vô sản, chính là cơ sở để Đảng Cộng Sản Việt Nam đã nắm được ngọn cờ lãnh đạo phong trào cách mạng Việt Nam, chấm dứt tình trạng khủng hoảng về đường lối cứu nước, mở ra phương hướng phát triển mới cho cách mạng Việt Nam.

## **I. HỘI NGHỊ THÀNH LẬP ĐẢNG:**

### **1. Hợp nhất các tổ chức cộng sản thành Đảng Cộng sản Việt Nam:**

Năm 1929, 3 tổ chức cộng sản ra đời là An Nam Cộng sản đảng, Đông Dương cộng sản đảng và Đông Dương Cộng Sản liên đoàn nhưng lại hoạt động phân tán, chia rẽ đã ảnh hưởng xấu đến phong trào cách mạng Việt Nam.

- Đến cuối năm 1929 những người cách mạng Việt Nam trong các tổ chức Cộng sản đã nhận thức được sự cần thiết và cấp bách phải thành lập một Đảng Cộng sản thống nhất, chấm dứt sự chia rẽ trong phong trào Cộng sản ở Việt Nam.

- Ngày 27/10/1929, Quốc tế Cộng sản gửi những người Cộng sản Đông Dương tài liệu về việc thành lập một Đảng Cộng sản ở Đông Dương.

- Nguyễn Ái Quốc từ Xiêm đến Trung Quốc, Người chủ trì Hội nghị hợp nhất Đảng (họp tại Hương Cảng, Trung Quốc).

- Thành phần hội nghị gồm: Một đại biểu của Quốc tế Cộng sản, hai đại biểu của Đông Dương cộng sản đảng, hai đại biểu của An Nam Cộng sản đảng.

- Nội dung Hội nghị hợp nhất:

+ Từ ngày 3 - 7/2/1930, Hội nghị đã tiến hành dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc. Tham dự Hội nghị có hai đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương (Trịnh Đình Cửu và Nguyễn Đức Cảnh); hai đại biểu của An Nam Cộng sản Đảng (Nguyễn Thiệu và Châu Văn Liêm). Cử ra một Ban Chấp Hành lâm thời gồm 7 đồng chí, do đồng chí Trịnh Đình Cửu đứng đầu.

+ Dưới sự chủ trì của Nguyễn Ái Quốc, Hội nghị hợp nhất Đảng được tiến hành tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc). *Hội nghị thảo luận đề nghị của Nguyễn Ái Quốc với nội dung:*

- Bỏ mọi thành kiến xung đột cũ, thành lập hợp tác để thống nhất các nhóm cộng sản Đông Dương.

- Định tên Đảng là Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Thảo chính cương và Điều lệ sơ lược của Đảng;

- Định kế hoạch thực hiện việc thống nhất trong nước.

- Cử một Ban trung ương lâm thời gồm chín người trong đó có hai đại biểu chi bộ cộng sản Trung Quốc ở Đông Dương

Hội nghị nhất trí với 5 điểm lớn theo đề nghị của Nguyễn Ái Quốc và quyết định hợp nhất các tổ chức cộng sản, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam.

Hội nghị thảo luận và thông qua các văn kiện: Chánh cương vắn tắt, Sách lược vắn tắt, Chương trình tóm tắt và Điều lệ vắn tắt của

Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Ngày 24 - 2 - 1930 theo yêu cầu của Đông Dương Cộng sản Liên đoàn, Ban Chấp hành Trung ương lâm thời họp và ra Nghị quyết chấp nhận Đông Dương Cộng sản Liên đoàn gia nhập Đảng Cộng sản Việt Nam.

***Ý nghĩa hội nghị (Sinh viên tự nghiên cứu)***

+ Có ý nghĩa như một đại hội, đánh dấu mốc lịch sử về sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

+ Quy tụ được 3 tổ chức cộng sản trong nước thành lập một Đảng duy nhất theo một đường lối chính trị đúng đắn.

+ Tạo sự thống nhất tư tưởng và hành động của phong trào cách mạng và truyền thống đoàn kết trong Đảng và dân tộc từ đó về sau.

**2. Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng: (gồm các văn kiện: Chánh cương vắn tắt của Đảng; Sách lược vắn tắt của Đảng; Chương trình tóm tắt của Đảng)**

Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng xác định các vấn đề cơ bản của cách mạng:

**\* *Phương hướng chiến lược của cách mạng Việt Nam là:***

- Cách mạng Việt Nam là cuộc cách mạng “*tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản*”.

**\* *Nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam:***

- *Về chính trị:* Đánh đổ đế quốc chủ nghĩa Pháp và bọn phong kiến; làm cho nước Việt Nam được hoàn toàn độc lập; lập chính phủ công nông binh; tổ chức quân đội công nông.

- *Về kinh tế:*

+ Thủ tiêu hết các thứ quốc trái; tịch thu toàn bộ sản nghiệp lớn như công nghiệp, vận tải, ngân hàng... của tư bản đế quốc chủ nghĩa Pháp để giao cho Chính phủ công nông binh quản lý.

+ Tịch thu toàn bộ ruộng đất của bọn đế quốc chủ nghĩa làm của công chia cho dân cày nghèo, bỏ sưu thuế cho dân cày nghèo, mở

mang công nghiệp và nông nghiệp, thi hành luật ngày làm 8 giờ...  
phổ thông giáo dục theo hướng công nông hóa.

- *Về văn hóa - xã hội*: Dân chúng được tự do tổ chức, đi lại, tự do ngôn luận, nam nữ bình quyền...

**\* *Lực lượng cách mạng***

- Đảng phải thu phục cho được đại bộ phận dân cày và phải dựa vào dân cày nghèo để làm thổ địa cách mạng, đánh đổ bọn đại địa chủ và phong kiến

- Phải làm cho các đoàn thể thợ thuyền và dân cày thoát khỏi quyền lực và ảnh hưởng của bọn tư bản.

- Phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, trung nông, thanh niên Tân Việt để kéo họ vào phe vô sản giai cấp.

- Đối với phú nông, trung, tiểu địa chủ và tư bản An Nam mà chưa rõ mặt phản cách mạng thì phải lợi dụng, làm cho họ đứng trung lập.

- Bộ phận nào đã ra mặt phản cách mạng thì phải đánh đổ.

**\* *Lãnh đạo cách mạng***

Giai cấp vô sản là lực lượng lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Đảng là đội tiên phong của giai cấp vô sản, phải thu phục cho được đại bộ phận cho giai cấp mình, phải làm cho giai cấp mình lãnh đạo được dân chúng.

**\* *Quan hệ với phong trào cách mạng thế giới***

Cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới, phải thực sự liên lạc với các dân tộc bị áp bức và giai cấp vô sản thế giới. Nhất là giai cấp vô sản Pháp.

**3. Ý nghĩa lịch sử sự ra đời Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng (*Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu*)**

**\* *Ý nghĩa lịch sử***

- Xác lập sự lãnh đạo của giai cấp công nhân Việt Nam; chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành và đủ sức



lãnh đạo cách mạng; thống nhất tư tưởng, chính trị và tổ chức phong trào công sản Việt Nam

- Xác định đúng đắn con đường giải phóng dân tộc và phương hướng phát triển của Cách mạng Việt Nam; giải quyết được cuộc khủng hoảng về đường lối cách mạng Việt Nam; nắm được ngọn cờ lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Cách mạng Việt Nam trở thành một bộ phận của cách mạng thế giới, tranh thủ được sự ủng hộ của cách mạng thế giới.

## **II. LƯỢNG GIÁ**

1. Trình bày những chuyển biến mới của thế giới và Việt Nam đầu thế kỷ XX?

2. Phân tích sự chuyển biến về kinh tế - xã hội Việt Nam dưới chính sách cai trị phản động của thực dân Pháp?

3. Phân tích các phong trào yêu nước ở Việt Nam cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX? Ý nghĩa của các phong trào yêu nước đó với sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam?

4. Phân tích sự phát triển của phong trào công nhân Việt Nam những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX? Quá trình truyền bá chủ nghĩa Mác-Lênin của Nguyễn Ái Quốc đã tác động lên phong trào công nhân như thế nào?

5. Nội dung Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng?

6. Ý nghĩa của việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam?

## **Chương II: ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP, ĐẾ QUỐC MỸ XÂM LƯỢC (1945-1975)**

### **MỤC TIÊU**

#### **1. Về kiến thức:**

- Giúp học sinh hiểu được lịch sử của Đảng thời kỳ 1930- 1975 là lịch sử của quá trình Đảng nhận thức và phát triển con đường cách mạng giải phóng dân tộc càng ngày càng phù hợp với thực tế, phù hợp với Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng, là quá trình đấu tranh bất khuất, liên tục chống đế quốc, phong kiến của dân tộc ta tiến tới khởi nghĩa giành chính quyền thắng lợi dưới sự chỉ đạo, tổ chức của Đảng; là cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam

#### **2. Về kỹ năng:**

Giúp sinh viên hiểu được giai đoạn đấu tranh hào hùng của dân tộc Việt Nam từ khi Đảng ra đến đại thắng mùa xuân năm 1975, đem lại độc lập tự do và mở ra kỷ nguyên mới cho dân tộc Việt Nam.

### **I. ĐƯỜNG LỐI ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930- 1945)**

#### **1. Chủ trương đấu tranh từ 1930- 1939**

##### **1.1. Trong những năm 1930- 1935**

##### *1.1.1. Luận cương Chính trị tháng 10-1930*

Tháng 10 năm 1930, hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ nhất họp tại Hương Cảng (Trung Quốc) do Trần Phú chủ trì. Hội nghị quyết định đổi tên Đảng Cộng sản Việt Nam thành *Đảng Cộng sản Đông Dương*, thông qua *Luận cương chính trị*, Điều lệ Đảng và bầu đồng chí Trần Phú làm Tổng Bí thư của Đảng.

##### *\* Nội dung Luận cương*

+ Luận cương đã *phân tích đặc điểm, tình hình xã hội* thuộc địa nửa phong kiến và nêu những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam:

+ Luận cương chỉ rõ: *Mâu thuẫn giai cấp diễn ra gay gắt* giữa một bên là thợ thuyền dân cày và các phần tử lao khổ mâu thuẫn địa chủ phong kiến, tư bản đế quốc.

+ Luận cương vạch ra *phương hướng chiến lược* của cách mạng Đông Dương: Luận cương chỉ rõ “Tư sản dân quyền cách mạng là thời kỳ dự bị để làm xã hội cách mạng”, sau khi cách mạng thắng lợi sẽ tiếp tục “phát triển bỏ qua thời kỳ tư bản mà tranh đấu thẳng lên con đường xã hội chủ nghĩa”.

+ *Nhiệm vụ của cách mạng tư sản dân quyền*: Đánh đổ phong kiến, thực hành cách mạng ruộng đất triệt để và đánh đổ đế quốc chủ nghĩa pháp làm cho Đông Dương hoàn toàn độc lập.

+ *Lực lượng cách mạng*: Giai cấp vô sản vừa là động lực chính của cách mạng tư sản dân quyền vừa là giai cấp lãnh đạo cách mạng, dân cày là lực lượng đông đảo nhất và động lực mạnh của cách mạng.

+ *Phương pháp cách mạng*: Bạo lực cách mạng để giành chính quyền.

+ *Quan hệ giữa cách mạng Việt Nam với cách mạng thế giới*: Phải đoàn kết, gắn bó với giai cấp vô sản thế giới, trước hết là giai cấp vô sản Pháp và phải mật thiết liên lạc với phong trào cách mạng ở các nước thuộc địa và nửa thuộc địa nhằm mở rộng và tăng cường lực lượng cho cuộc đấu tranh cách mạng ở Đông Dương.

+ *Về vai trò lãnh đạo của Đảng*: Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là vai trò cốt yếu cho thắng lợi của cách mạng.

\* *Ý nghĩa của Luận cương*

+ Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930 đã khẳng định lại nhiều vấn đề cơ bản thuộc về chiến lược cách mạng mà chánh cương vắn tắt, sách lược vắn tắt đã nêu ra.

+ Luận cương đã không nêu ra được mâu thuẫn chủ yếu của dân tộc Việt Nam mâu thuẫn đế quốc Pháp nên không đặt nhiệm vụ chống đế quốc lên hàng đầu.

+ Đánh giá không đúng vai trò của các tầng lớp (tiểu tư sản, tư sản

dân tộc) chưa lôi kéo được bộ phận địa chủ vừa và nhỏ vào cách mạng.

*\* Nguyên nhân dẫn đến mất hạn chế là do:*

+ Luận cương chưa tìm ra và nắm vững những đặc điểm xã hội thuộc địa, nửa phong kiến Việt Nam.

+ Do nhận thức giáo điều, máy móc về vấn đề dân tộc và giai cấp trong cách mạng thuộc địa, đồng thời chịu ảnh hưởng trực tiếp khuynh hướng “tả” của Quốc tế Cộng sản. Vì vậy, Hội nghị Ban chấp hành Trung ương tháng 10 năm 1930 đã không chấp nhận những quan điểm mới, sáng tạo, độc lập tự chủ của Nguyễn Ái Quốc được nêu trong Đường Cách mệnh, Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt.

### *1.1.2. Chủ trương khôi phục tổ chức Đảng và phong trào cách mạng*

Từ ngày 1- 5 - 1930 cao trào Xô viết Nghệ Tĩnh bùng nổ và lan rộng thành cao trào cách mạng 1930- 1931. Mặc dù bị thực dân Pháp đàn áp dã man và thất bại nhưng cao trào cách mạng này có ý nghĩa rất to lớn. Nó đã khẳng định ảnh hưởng sâu rộng của Đảng Cộng sản trong nhân dân, khẳng định vai trò to lớn của liên minh công nông và để lại cho Đảng và cách mạng nước ta nhiều kinh nghiệm quý về phương pháp tiến hành cách mạng.

Cao trào cách mạng 1930- 1931 được ví như cuộc tổng diễn tập đầu tiên cho thắng lợi cách mạng tháng Tám 1945 sau này.

Từ năm 1931, thực dân Pháp tăng cường khủng bố cách mạng, hàng loạt tổ chức Đảng bị phá vỡ, hầu hết uỷ viên Trung ương Đảng trong nước bị bắt.

Các xứ ủy Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ bị Pháp phá vỡ nhưng đã được lập lại.

Ban lãnh đạo Đảng ở nước ngoài đã kịp thời ra bản *Chương trình hành động* (6-1932) khôi phục Đảng và phong trào cách mạng.

Những yêu cầu chung, trước mắt của đông đảo quần chúng được nêu lên trong ***Chương trình hành động là:***

*Một là:* Đòi các quyền tự do tổ chức, sản xuất, ngôn luận, đi lại trong

nước và ra nước ngoài.

*Hai là:* Bỏ những luật hình đặc biệt đối với người bản xứ, trả tự do cho tù chính trị, bỏ ngay chính sách đàn áp, giải tán Hội đồng đề hình.

*Ba là:* Bỏ thuế thân, thuế ngụ cư và các thứ thuế vô lý khác.

*Bốn là:* Bỏ các độc quyền về rượu, thuốc phiện và muối.

Chương trình hành động còn đề ra những yêu cầu cụ thể riêng cho từng giai cấp cho từng tầng lớp, và phù hợp với điều kiện lịch sử lúc bấy giờ.

*\* Kết quả: (sinh viên tự nghiên cứu)*

+ Phong trào cách mạng từng bước được khôi phục. Chương trình hành động năm 1932 phù hợp với điều kiện lịch sử lúc bấy giờ. Năm 1932, Ban Lãnh đạo Trung ương của Đảng được thành lập do Lê Hồng Phong đứng đầu. Đến năm 1934, đầu năm 1935, hệ thống tổ chức của Đảng và phong trào cách mạng quần chúng được khôi phục, đây là cơ sở để tiến tới đại hội lần thứ nhất của Đảng.

+ Tháng 3 -1935 Đại hội đại biểu lần thứ nhất của Đảng họp ở Ma Cao (Trung Quốc), Đại hội khẳng định thắng lợi của cuộc đấu tranh khôi phục phong trào cách mạng và hệ thống tổ chức Đảng và đề ra 3 nhiệm vụ: Củng cố và phát triển Đảng, đẩy mạnh cuộc vận động thu phục quần chúng, ủng hộ Liên Xô, ủng hộ cách mạng Trung Quốc.

## **1.2. Trong những năm 1936- 1939**

### **1.2.1. Hoàn cảnh lịch sử (Hướng dẫn sinh viên thảo luận)**

#### **\* Câu hỏi thảo luận**

Làm rõ tình hình thế giới trong những năm 1936 – 1939?

Làm rõ tình hình trong nước trong những năm 1936 – 1939?

#### **Giải thích:**

*\* Tình hình thế giới:* Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã làm cho mâu thuẫn nội tại của chủ nghĩa tư bản ngày càng gay gắt, phong trào cách mạng của quần chúng dâng cao.

+ Chủ nghĩa phát xít xuất hiện và thắng thế ở một số nước như:

Phát xít Hítle (Đức), phát xít ph răng cô (Tây Ban Nha), phát xít mút xô li ni (Italia).

Phái sĩ quan trẻ ở (Nhật) là Chủ nghĩa phát xít đã tiến hành nô dịch và bành trướng phản động, Tập đoàn phát xít đã cầm quyền ở Đức, Ý, Nhật đã liên kết với nhau thành khối “trục”.

+ Đại hội lần thứ VII Quốc tế Cộng sản họp tại Mátxítcova (7-1935) dưới sự chủ trì của Đimitorốp, đoàn Đại biểu của Đảng Cộng sản Đông Dương do Lê Hồng Phong dẫn đầu đã tham dự.

*\* Đại hội xác định:*

- Kẻ thù nguy hiểm trước mắt của giai cấp vô sản, nhân dân lao động thế giới lúc này không phải là chủ nghĩa đế quốc mà là chủ nghĩa phát xít.

- Nhiệm vụ của công nhân, nhân dân lao động thế giới lúc này chưa phải lật đổ Chủ nghĩa xã hội mà là phải đấu tranh chống chủ nghĩa phát xít, chống chiến tranh, bảo vệ hòa bình.

- Phải lập ra mặt trận nhân dân rộng rãi chống phát xít và chiến tranh, đòi tự do dân chủ, hòa bình và cải thiện đời sống.

- Đối với các nước thuộc địa và nửa thuộc địa thì việc lập ra mặt trận thống nhất chống đế quốc có tầm quan trọng đặc biệt.

*\* Tình hình trong nước*

+ Cuộc khủng hoảng kinh tế 1929 – 1933 đã ảnh hưởng sâu sắc đến đời sống nhân dân lao động, những nhà tư sản, địa chủ hạng vừa và nhỏ.

+ Bọn phản động vẫn ra sức vơ vét của cải, bóc lột mọi quyền tự do, dân chủ và thi hành chính sách khủng bố, đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta.

+ Do tình hình đó cho nên quyền lợi của các giai cấp và tầng lớp có nhiều quyền lợi nhau. Nhưng họ đều căm thù thực dân và bọn tư bản Pháp vì một nguyện vọng chung là: Đòi quyền sống, tự do, dân chủ, cơm áo, hòa bình.

+ Hệ thống tổ chức Đảng và các cơ sở cách mạng được phục hồi.

### 1.2.2. Chủ trương và nhận thức mới của Đảng

\* *Chủ trương đấu tranh đòi quyền dân chủ, dân sinh.*

+ *Kẻ thù của cách mạng:* Kẻ thù trước mắt và nguy hại nhất của nhân dân Đông Dương Bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai của chúng.

+ *Nhiệm vụ trước mắt của cách mạng:* Chống phát xít, chống chiến tranh đế quốc, chống bọn phản động thuộc địa và bè lũ tay sai, đòi tự do dân chủ, cơm áo và hòa bình. Thành lập mặt trận dân tộc dân chủ Đông Dương.

+ *Đoàn kết quốc tế:* Đoàn kết chặt chẽ với giai cấp công nhân và Đảng Cộng sản Pháp, ủng hộ mặt trận nhân dân Pháp, để cùng nhau chống kẻ thù chung là phát xít và bọn phản động thuộc địa ở Đông Dương.

+ *Về hình thức tổ chức và biện pháp đấu tranh:* Phải chuyển hình thức tổ chức bí mật không hợp pháp sang công khai, nửa công khai, hợp pháp và nửa hợp pháp. Nhằm làm cho Đảng mở rộng quan hệ với quần chúng, giáo dục, tổ chức và lãnh đạo quần chúng đấu tranh bằng các hình thức và khẩu hiệu phù hợp.

\* *Nhận thức mới của Đảng về mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ.*

+ Ban Chấp hành Trung ương đặt vấn đề về nhận thức lại mối quan hệ giữa hai nhiệm vụ dân tộc và dân chủ, phản đế và điền địa trong cách mạng ở Đông Dương.

+ Nhận thức mới của Ban Chấp hành Trung ương phù hợp với tinh thần trong cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng và khắc phục những hạn chế của Luận cương chính trị tháng 10 năm 1930.

+ Tháng 3 năm 1939, Đảng ra bản Tuyên ngôn Đảng Cộng sản Đông Dương, nêu rõ họa phát xít đang tiến gần. Tuyên ngôn kêu gọi

các tầng lớp nhân dân thống nhất hành động trong việc đòi các quyền tự do dân chủ, chống nguy cơ chiến tranh đế quốc.

+ Tháng 7 năm 1939 Bí thư Nguyễn Văn Cừ cho xuất bản tác phẩm *Tự chỉ trích*. Tác phẩm đã nêu những vấn đề cơ bản về xây dựng Đảng, tổng kết cuộc vận động dân chủ của Đảng, xây dựng mặt trận dân chủ Đông Dương - một vấn đề chính trị trung tâm của Đảng lúc đó

*Tóm lại:* Trong những năm 1936 – 1939, chủ trương của Đảng đã giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa mục tiêu chiến lược và mục tiêu cụ thể trước mắt của cách mạng, các mối quan hệ giữa liên minh công nông và mặt trận đoàn kết dân tộc rộng rãi, giữa vấn đề dân tộc và vấn đề giai cấp, giữa phong trào cách mạng Đông Dương và phong trào cách mạng ở Pháp trên thế giới, đề ra các hình thức tổ chức và đấu tranh linh hoạt, thích hợp nhằm hướng dẫn quần chúng đấu tranh giành quyền lợi hàng ngày, chuẩn bị cho những cuộc đấu tranh cao hơn vì độc lập và tự do.

## **2. Chủ trương đấu tranh từ 1939- 1945:**

***2.1. Hoàn cảnh lịch sử và sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược mới của Đảng***

*2.1.1. Tình hình thế giới và trong nước (Hướng dẫn SV thảo luận)*

### **\* *Tình hình quốc tế:***

+ Ngày 1 tháng 9 năm 1939, Phát Xít Đức tấn công Ba Lan, hai ngày sau Anh và Pháp tuyên chiến với Đức, chiến tranh thế giới 2 đã bùng nổ. Nó đã tác động sâu sắc đến tình hình nước Pháp.

+ Cách mạng Pháp bị đàn áp: Bọn phản động ra sức đàn áp khủng bố phong trào cách mạng, mặt trận nhân dân Pháp bị vỡ, Đảng Cộng Sản Pháp bị tổn thương nặng nề.

+ Tháng 6 năm 1940, Đức tấn công Pháp, chính phủ Pháp đầu hàng Đức.

+ Ngày 22 tháng 6 năm 1941 Đức tiến công Liên Xô tính chất cuộc chiến tranh đế quốc chuyển thành chiến tranh giữa các lực lượng



dân chủ do Liên Xô trụ cột với lực lượng phát xít do Đức cầm đầu.

**\* Tình hình trong nước**

+ Chiến tranh thế giới thứ hai đã ảnh hưởng mạnh mẽ đến Đông Dương và Việt Nam.

+ Pháp phát xít hóa bộ máy thống trị: ở Đông Dương Pháp đã thực hiện tổng động viên bắt lính hơn bảy vạn thanh niên bị bắt sang Pháp để làm bia đỡ đạn, tăng cường vợ vét, khủng bố và thẳng tay đàn áp. Mâu thuẫn xã hội trở nên sâu sắc hơn.

+ Lợi dụng Pháp thua Đức thì ngày 22 tháng 9 năm 1940 phát xít Nhật tiến vào Lạng Sơn và đổ bộ vào Hải Phòng.

+ Ngày 23 tháng 9 năm 1940 tại Hà Nội, Pháp ký hiệp định đầu hàng Nhật, từ đó nhân dân ta phải chịu cảnh một cổ hai tròng (áp bức bóc lột của Pháp -Nhật).

+ Mâu thuẫn (Dân tộc Việt Nam mâu thuẫn đế quốc Pháp – Nhật càng trở nên gay gắt).

**2.1.2. Nội dung chủ trương chuyển hướng chỉ đạo chiến lược**

\* Từ khi chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ, Ban chấp hành trung ương Đảng đã họp hội nghị lần sáu (11-1939) Hội Nghị lần bảy (11-1940), Hội Nghị lần tám (5-1941) đã căn cứ vào tình hình cụ thể trong nước và đã quyết định chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng:

- Đưa nhiệm vụ giải phóng dân tộc lên hàng đầu.
- Thành lập Mặt trận Việt Minh, để đoàn kết các lực lượng cách mạng nhằm mục tiêu giải phóng dân tộc.
- Quyết định xúc tiến chuẩn bị khởi nghĩa vũ trang là nhiệm vụ trung tâm.

**2.2. Ý nghĩa của sự chuyển hướng chỉ đạo chiến (SV nghiên cứu, tự học)**

- Với tinh thần độc lập, tự chủ, sáng tạo Ban chấp hành Trung ương Đảng đã *hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược* nhằm giải quyết mục tiêu số một của cách mạng là độc lập dân tộc và đề ra

nhieu chủ trương đúng đắn để thực hiện mục tiêu ấy.

- Đường lối gương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc lên hàng đầu, tập hợp rộng tập hợp rộng rãi mọi người dân Việt Nam yếu nước trong mặt trận Việt Minh, xây dựng lực lượng chính trị của quần chúng ở cả nông thôn và thành thị, xây dựng căn cứ địa cách mạng và lực lượng vũ trang.

- Trên cơ sở lực lượng chính trị của quần chúng, Đảng đã chỉ đạo việc vũ trang cho quần chúng cách mạng, từng bước tổ chức, xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân, Đảng chỉ đạo lập chiến khu và căn cứ địa cách mạng.

### **3. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa giành chính quyền**

#### ***3.1. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước và đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần***

\* Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước

- *Tình hình quốc tế, trong nước (Sinh viên tự học)*

+ *Liên Xô chiến thắng lớn*: Vào cuối năm 1944, đầu năm 1945, Chiến tranh thế giới thứ hai bước vào giai đoạn kết thúc. Hồng quân Liên Xô quét sạch phát xít Đức ra khỏi lãnh thổ của mình và tiến như vũ bão về phía Béc lin. Số phận phát xít Đức sắp kết liễu.

+ *Anh, Mỹ mở mặt trận thứ hai*: Ở Tây Âu, Anh, Mỹ sau nhiều lần trì hoãn đã mở mặt trận thứ hai, đổ quân lên đất Pháp và tiến về phía Đức. Công nhân Pari nổi dậy, nước Pháp đã được giải phóng, Chính phủ Đờ Gôn về Pari.

+ *Nhật đảo chính Pháp*: Ở Đông Dương Pháp đang hoạt động ráo riết, chuẩn bị đón quân đồng minh, Nhật vội vàng tiến hành cuộc đảo chính Pháp vào đêm 9 - 3 - 1945 ở Đông Dương.

+ *Hội nghị Ban Thường vụ Trung ương Đảng*: Dự đoán đúng tình hình Nhật sắp lật đổ Pháp ở Đông Dương, Tổng bí thư Trường Chinh đã triệu tập Hội nghị Ban thường vụ Trung ương ở Đình Bảng (Tứ Sơn, Bắc Ninh) Ngày 12 - 3 - 1945, Ban thường vụ Trung ương

Đảng ra chỉ thị quan trọng: “*Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta*”.

+ *Nhận định kẻ thù*: Cuộc đảo chính của Nhật lật đổ Pháp để độc chiếm Đông Dương đã tạo ra một cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, nhưng điều kiện khởi nghĩa chưa thực sự chín muồi. Tuy nhiên, hiện đang có những cơ hội tốt làm cho những điều kiện tổng khởi nghĩa nhanh chóng chín muồi.

+ *Xác định kẻ thù*: Sau cuộc đảo chính, phát xít Nhật là kẻ thù chính, kẻ thù cụ thể trước mắt duy nhất của nhân dân Đông Dương. Vì vậy, khẩu hiệu lúc này là: “*đánh đuổi phát xít Nhật*”.

+ *Phương châm đấu tranh*: Phương châm đấu tranh lúc này là phát động chiến tranh du kích, giải phóng từng vùng, mở rộng căn cứ địa.

+ *Dự kiến thời cơ*: Dự kiến những điều kiện thuận lợi để thực hiện tổng khởi nghĩa.

- *Đẩy mạnh khởi nghĩa từng phần, giành chính quyền bộ phận*

Từ giữa tháng 3 - 1945 trở đi, cao trào kháng Nhật cứu nước đã diễn ra rất sôi nổi, mạnh mẽ và phong phú về cả nội dung và hình thức, gọi là cao trào tiền khởi nghĩa.

+ *Khởi nghĩa từng phần*: Thực hiện chỉ thị của Đảng, cả nước đã thực hiện phong trào đấu tranh vũ trang, khởi nghĩa từng phần giành chính quyền từng địa phương, chiến tranh du kích lan rộng ra toàn quốc.

+ *Đội Việt Nam giải phóng quân*: Được thành lập trên cơ sở thống nhất đội Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân và cứu quốc quân.

+ *Khu giải phóng được ra đời*: Ngày 4 - 6 - 1945 Khu giải phóng chính thức được thành lập bao gồm hầu hết các tỉnh: Cao - Bắc - Lạng, Hà - Tuyên - Thái và một số vùng thuộc tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Yên Bái, Vĩnh Yên.

+ *Phong trào phá kho thóc*: Giữa lúc nạn đói đang diễn ra trên cả nước, Đảng kịp thời đề ra khẩu hiệu “*phá kho thóc giải quyết nạn đói*”.

### **3.2. Chủ trương phát động Tổng khởi nghĩa**

**\* Phát động toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền**

**- Chủ trương:**

Trung ương quyết định họp Hội nghị toàn quốc của Đảng tại Tân Trào (Tuyên Quang) từ ngày 13 đến ngày 15 - 8 - 1945. Hội nghị nhận định: “Cơ hội rất tốt cho ta giành chính quyền độc lập đã tới” và quyết định phát động toàn dân tổng khởi nghĩa:

+ *Phát động tổng khởi nghĩa:* Hội nghị quyết định phát động tổng khởi nghĩa trong cả nước, giành lấy chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân đồng minh vào Đông Dương. Với khẩu hiệu đấu tranh lúc này là: “Phản đối xâm lược; Hoàn toàn độc lập; Chính quyền nhân dân”.

+ *Nguyên tắc chỉ đạo khởi nghĩa:*

- Tập trung, thống nhất, kịp thời;

- Đánh chiếm ngay những nơi chắc thắng, không kể thành phố hay nông thôn;

- Quân sự và chính trị phải phối hợp làm tan rã tinh thần quân địch;

- Thành lập chính quyền nhân dân trước khi đồng minh vào Đông Dương;

+ *Chính sách đối nội, đối ngoại:* Hội nghị quyết định:

- Đối nội sẽ lấy 10 chính sách lớn của Việt Minh làm chính sách cơ bản của chính quyền cách mạng.

- Đối ngoại sẽ thực hiện nguyên tắc bình đẳng, hợp tác, thêm bạn bớt thù, triệt để lợi dụng mâu thuẫn giữa Pháp-Anh và Mỹ-Tướng, hết sức tránh trường hợp một mình phải đối phó nhiều kẻ thù trong cùng một lúc; Tranh thủ sự ủng hộ của Liên Xô và của nhân dân các nước trên thế giới.

**- Tổng khởi nghĩa tháng 8 -1945 thắng lợi:**

Ngay sau Đại hội, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào và chiến sĩ cả nước: “Giờ quyết định vận mệnh dân tộc đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng, hơn 20 triệu nhân dân đã nhất tề vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

+ Ngày 14 - 8 - 1945 các đơn vị giải phóng quân đã liên tiếp hạ nhiều đồn Nhật thuộc các tỉnh Cao Bằng, Bắc Cạn, Thái Nguyên,, Tuyên Quang, Yên Bái...

+ Ngày 19 - 8 - 1945 Tổng khởi nghĩa ở Hà Nội, hơn một vạn quân Nhật ở Hà Nội tê liệt, không dám chống cự, Chính quyền thuộc về tay nhân dân.

+ Ngày 23 - 8 - 1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Huế.

+ Ngày 25 - 8 - 1945, khởi nghĩa giành thắng lợi ở Sài Gòn, quân Nhật hoàn toàn bị tê liệt, cuộc khởi nghĩa thành công nhanh chóng.

+ Ngày 30 - 8 - 1945 Bảo Đại thoái vị, giao nộp ấn kiếm cho đại diện chính phủ lâm thời nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

+ Ngày 2 - 9 - 1945, tại cuộc mít tinh lớn ở Quảng trường Ba Đình (Hà Nội) trước hàng triệu đồng bào, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh trình trọng đọc bản *Tuyên ngôn độc lập*, tuyên bố với quốc dân đồng bào, với toàn thể thế giới: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời.

**4. Kết quả, ý nghĩa, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm của cuộc Cách mạng Tháng Tám. (*Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu*)**

**\* Kết quả và ý nghĩa**

**- Đối với dân tộc:**

+ Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã đập tan xiềng xích nô lệ của thực dân Pháp trong gần một thế kỷ, lật nhào chế độ quân chủ hàng mấy nghìn năm và ách thống trị của phát xít Nhật, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

+ Nước ta từ thuộc địa trở thành nước độc lập tự do, nhân dân Việt Nam từ thân phận nô lệ trở thành người dân làm chủ đất nước, làm chủ vận mệnh của mình.

+ Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đánh dấu bước phát triển nhảy vọt của lịch sử dân tộc Việt Nam, đưa dân tộc ta bước vào một kỷ nguyên mới: Kỷ nguyên độc lập tự do và chủ nghĩa xã hội.

**- Đối với quốc tế:**

+ Đây là cuộc cách mạng giải phóng dân tộc điển hình do Đảng cộng sản lãnh đạo, góp phần làm phong phú thêm kho tàng lí luận của chủ nghĩa Mác- Lênin.

+ Thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám đã chọc thủng khâu quan trọng của chủ nghĩa đế quốc, mở đầu sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ.

+ Cách mạng Tháng Tám thắng lợi đã cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các nước thuộc địa và nửa thuộc địa đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc, thực dân giành độc lập tự do.

**\* Nguyên nhân thắng lợi**

**- Nguyên nhân khách quan:**

+ Cách mạng Tháng Tám nổ ra trong bối cảnh quốc tế rất thuận lợi đó là: Phát xít Nhật đã bị đánh bại trong Chiến tranh thế giới thứ 2, kẻ thù trực tiếp của nhân dân ta là Nhật bị Liên Xô và các lực lượng dân chủ thế giới đánh bại, bọn Nhật ở Đông Dương và tay sai tan rã.

**- Nguyên nhân chủ quan:**

+ Có sự chuẩn bị công phu của Cách mạng Việt Nam, là kết quả của 15 năm đấu tranh gian khổ của toàn dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam là người tổ chức và lãnh đạo, có đường lối cách mạng đúng đắn.

+ Đảng Cộng sản Việt Nam là người tổ chức và lãnh đạo, có đường lối cách mạng đúng đắn.

+ Nhân dân ta có tinh thần đấu tranh kiên cường, dũng cảm gan dạ, hy sinh vì nền độc lập dân tộc.

**- Bài học kinh nghiệm**

+ Một là: Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, kết hợp đúng đắn hai nhiệm vụ chống đế quốc và chống phong kiến.

+ *Hai là*: Toàn dân nổi dậy trên nền tảng khối liên minh công - nông.

+ *Ba là*: Lợi dụng Mậu thuẫn trong hàng ngũ kẻ thù.

+ *Bốn là*: Kiên quyết dùng bạo lực cách mạng và biết sử dụng bạo lực cách mạng một cách thích hợp để đập tan bộ máy nhà nước cũ, lập ra nhà nước của nhân dân.

+ *Năm là*: Nắm vững nghệ thuật khởi nghĩa, nghệ thuật chọn đúng thời cơ.

+ *Sáu là*: Xây dựng một Đảng Mác-Lênin đủ sức lãnh đạo tổng khởi nghĩa giành chính quyền.

## II. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945- 1954)

### 1. Chủ trương “Kháng chiến kiến quốc của Đảng”

Từ tháng 5 -1945, chính quyền cách mạng được thiết lập trên cả nước ở tình thế hiểm nghèo trước ba thứ giặc: *giặc đói, giặc dốt* và nguy hiểm nhất là *giặc ngoại xâm*. Đầu năm 1945, ở phía Bắc, hơn 2 triệu người bị chết đói; kinh tế, tài chính Nhà nước không có, hơn 90% dân số mù chữ, tệ nạn xã hội gia tăng... Gần 20 vạn quân Tưởng theo lệnh Đồng Minh vào miền Bắc thu vũ khí của quân Nhật kéo theo bọn phản động Việt Quốc, Việt Cách âm mưu lật đổ chính quyền cách mạng. Phía nam vĩ tuyến 16, quân Pháp núp bóng hơn 1 vạn quân Anh nổ súng khiêu khích, âm mưu xâm lược nước ta lần nữa. Vận mệnh dân tộc ví như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Ngày 25/11/1945, Ban chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị Kháng chiến kiến quốc, vạch con đường đi lên cho cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới.

#### - Nội dung chủ trương

+ *Chỉ đạo chiến lược*: Đảng xác định mục tiêu phải nêu lên chiến lược của cách mạng Việt Nam lúc này vẫn là dân tộc giải phóng, khẩu hiệu lúc này là “*Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết*”

+ *Về xác định kẻ thù*: Kẻ thù chính của chúng ta lúc này là thực dân Pháp xâm lược, phải tập trung ngọn lửa đấu tranh vào chúng. Nên phải lập Mặt trận dân tộc thống nhất chống thực dân pháp xâm lược

+ *Phương hướng, nhiệm vụ cách mạng*: Đảng ta nêu bốn nhiệm vụ chủ yếu, cấp bách và cần phải khẩn trương thực hiện: củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp xâm lược, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống nhân dân.

**- Ý nghĩa của chủ trương (Sinh viên tự học)**

Chi thị kháng chiến, kiến quốc có ý nghĩa hết sức quan trọng

+ Chi thị đã xác định đúng kẻ thù chính của dân tộc Việt Nam là thực dân Pháp xâm lược

+ Chi thị đã chỉ ra kịp thời những vấn đề cơ bản về chiến lược và sách lược cách mạng, nhất là nêu rõ hai nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam sau cách mạng Tháng Tám là xây dựng đất nước đi đôi với bảo vệ đất nước.

**\* Kết quả, ý nghĩa nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm (hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu)**

- **Kết quả**: Cuộc đấu tranh thực hiện chủ trương kháng chiến, kiến quốc đã giành được những kết quả hết sức quan trọng.

+ *Về chính trị - xã hội*: đã xây dựng được nền móng cho một chế độ xã hội mới – chế độ dân chủ nhân dân.

Quốc hội, hội đồng nhân dân các cấp được thành lập thông qua bầu cử.

Hiến pháp dân chủ nhân dân được Quốc hội thông qua và ban hành.

Bộ máy chính quyền từ trung ương đến địa phương được thiết lập và tăng cường.

Đảng và các đoàn thể nhân dân được xây dựng và mở rộng.

Bảo vệ được thành quả của cách mạng Tháng Tám.

+ *Về kinh tế, văn hoá*:



Phát động phong trào tăng gia sản xuất, cứu đói, xoá bỏ các thứ thuế vô lý của chế độ cũ, ra sắc lệnh giảm tô 25 %, nạn đói cơ bản được đẩy lùi, đời sống nhân dân được ổn định và cải thiện, ngân quỹ quốc gia được xây dựng, giấy bạc cũ Hồ được phát hành.

Phong trào diệt dốt, bình dân học vụ được thực hiện sôi nổi (cuối năm 1946 cả nước có thêm 2.5 triệu người biết đọc biết viết.).

Cuộc vận động toàn dân xây dựng nền văn hoá mới đã bước đầu xoá bỏ được nhiều tệ nạn xã hội và tập tục lạc hậu.

+ *Về bảo vệ chính quyền cách mạng*: ngay từ khi thực dân Pháp nổ súng đánh chiếm Sài Gòn và mở rộng phạm vi chiếm đóng ra các tỉnh Nam bộ, Đảng đã kịp thời lãnh đạo nhân dân Nam bộ đứng lên kháng chiến và phát động phong trào Nam tiến chi viện Nam bộ, ngăn không cho quân Pháp đánh ra Trung bộ.

Ở miền Bắc, bằng chủ trương lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, Đảng, Chính phủ ta đã thực hiện sách lược nhân nhượng với quân đội Tưởng và tay sai của chúng để giữ vững chính quyền, tập trung lực lượng chống Pháp ở miền Nam.

### **- Ý nghĩa:**

+ Bảo vệ được nền độc lập của đất nước, giữ vững chính quyền cách mạng.

+ Xây dựng được nền móng đầu tiên cho một chế độ xã hội mới, chế độ Việt Nam dân chủ cộng hoà.

+ Chuẩn bị được những điều kiện cần thiết, trực tiếp cho cuộc kháng chiến toàn quốc sau đó.

### **- Nguyên nhân thắng lợi:**

+ Đảng đã đánh giá đúng tình hình nước ta sau cách mạng Tháng Tám, kịp thời đề ra chủ trương kháng chiến, kiến quốc.

+ Xây dựng và phát huy được sức mạnh của khối đoàn kết dân tộc.

+ Lợi dụng được mâu thuẫn trong hàng ngũ kẻ địch.

### - Bài học kinh nghiệm:

+ Phát huy sức mạnh đại đoàn kết dân tộc, dựa vào dân để xây dựng và bảo vệ chính quyền cách mạng.

+ Triệt để loại bỏ mọi mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù, chia mũi nhọn vào kẻ thù chính, coi sự nhân nhượng có nguyên tắc với kẻ thù cũng là một biện pháp đấu tranh cách mạng cần thiết trong hoàn cảnh cụ thể.

+ Tận dụng khả năng hoà hoãn để xây dựng lực lượng, củng cố chính quyền nhân dân, đồng thời đề cao cảnh giác, sẵn sàng ứng phó với khả năng chiến tranh lan ra cả nước khi kẻ địch bội ước.

## 2. Đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân (1946 – 1954)

### 2.1. Hoàn cảnh lịch sử (*Hướng dẫn SV thảo luận*)

\* *Nội dung thảo luận:*

- Tháng 11/1946: Pháp mở cuộc tấn công đánh chiếm Hải Phòng và thị xã Lạng Sơn, cho quân đổ bộ lên Đà Nẵng gây nhiều cuộc khiêu khích, Trung ương Đảng.

- Ngày 19/12/1946 việc Pháp gửi tới hậu thư đòi ta tước vũ khí của tự vệ Hà Nội...

- Phát động cả nước kháng chiến 20/12/1946.

\* *Thuận lợi*

- Đây là cuộc chiến đấu chính nghĩa, có thiên thời, địa lợi, nhân hòa.

- Ta có chuẩn bị những điều kiện cần thiết để kháng chiến lâu dài.

\* *Khó khăn*

- Tương quan lực lượng giữa ta và địch.

- Ta bị bao vây, chưa nước nào giúp đỡ.

- Lào và Campuchia và một số nơi ở Nam Bộ bị chiếm đóng

- Pháp có vũ khí tối tân.

### 2.2. Quá trình hình thành và nội dung đường lối kháng chiến.

- Sau cách mạng Tháng Tám, trong chỉ thị kháng chiến, kiến

quốc, Đảng ta nhận định kẻ thù chính của ta là thực dân Pháp.

- Ngày 19 – 10 – 1946 thường vụ trung ương Đảng mở hội nghị quân sự toàn quốc lần thứ nhất do Trường Chinh chủ trì và nhận định không sớm thì muộn Pháp sẽ đánh mình và nhất định mình sẽ đánh Pháp.

- Đường lối kháng chiến của Đảng được tập trung vào ba vấn đề lớn:

+ Văn kiện toàn dân kháng chiến của ban thường vụ Trung ương Đảng ngày 12 – 12 – 1946

+ Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến của Hồ Chí Minh 19-12-1946.

+ Tác phẩm Kháng chiến nhất định thắng lợi của Trường Chinh.

\* Nội dung đường lối:

*Mục đích kháng chiến:* Kế tục sự nghiệp cách mạng tháng tám đánh phản động thực dân Pháp xâm lược, giành thống nhất và độc lập.

*Tính chất cuộc kháng chiến:* Cuộc kháng chiến của dân tộc ta là cuộc chiến tranh cách mạng của nhân dân, chiến tranh chính nghĩa có tính chất “toàn dân, toàn diện, lâu dài.

*Chính sách cuộc kháng chiến:* Liên hiệp với dân tộc Pháp chống phản động thực dân Pháp, đoàn kết với các nước, đoàn kết chặt chẽ trong toàn dân, đồng thời phải tự cấp, tự túc về mọi mặt.

*Chương trình và nhiệm vụ kháng chiến:* Là thực hiện đoàn kết toàn dân, thực hiện quân, chính, dân nhất trí, động viên nhân lực, vật lực để kháng chiến lâu dài, kháng chiến trường kỳ.

*Phương châm tiến hành kháng chiến:* tiến hành cuộc chiến tranh nhân dân, toàn diện lâu dài, dựa vào sức mình là chính.

> Toàn dân là bất kỳ đàn ông đàn bà, già trẻ, gái trai, đảng phái, tôn giáo, hễ là người Việt Nam thì phải đứng dậy đánh Pháp.

> Toàn diện: Chính trị, Quân sự, Kinh tế, Văn hóa, Ngoại giao.

> Lâu dài là trường kỳ.

> Dựa vào sức mình là phải tự cấp, tự túc.

*Đối tượng cách mạng:* Thực dân pháp và Phong kiến tay sai.

*Nhiệm vụ cách mạng:* Đánh đuổi bọn đế quốc xâm lược giành độc lập và thống nhất thực sự cho dân tộc, xóa những di tích phong kiến và nửa phong kiến, làm cho người cày có ruộng, gây dựng cơ sở cho chủ nghĩa xã hội.

*Động lực cách mạng:* Công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc, địa chủ yêu nước (công- nông- trí thức).

*Đặc điểm cách mạng:* Giải quyết nhiệm vụ trên là do nhân dân lao động làm động lực, Công - Nông - Trí làm nền tảng, công nhân lãnh đạo.

*Triển vọng cách mạng:* Cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân Việt Nam nhất định sẽ đưa Việt Nam tiến tới chủ nghĩa xã hội.

*Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội:* Là con đường đấu tranh lâu dài và trải qua 3 giai đoạn: hoàn thành giải phóng dân tộc, xóa bỏ di tích phong kiến và nửa phong kiến, tiến lên thực hiện chủ nghĩa xã hội.

*Giai cấp lãnh đạo và mục tiêu của Đảng:* Người lãnh đạo cách mạng là giai cấp công nhân, Đảng lao động Việt Nam là Đảng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

*Chính sách của Đảng:* Nhằm phát triển chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội và đẩy mạnh cuộc kháng chiến đến thắng lợi.

*Quan hệ quốc tế:* Việt Nam đứng về phe hòa bình và dân chủ, tranh thủ sự giúp đỡ của: các nước Xã hội chủ nghĩa và nhân dân thế giới, Liên Xô, Trung Quốc đoàn kết với Miên, Lào.

### **2.3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm (hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu)**

#### **2.3.1. Kết quả và ý nghĩa thắng lợi của việc thực hiện đường lối**

*Chính trị:*

+ Đảng ra hoạt động công khai đã có điều kiện kiện toàn tổ chức, tăng cường sự lãnh đạo đối với cuộc kháng chiến.

- + Bộ máy chính quyền năm cấp được củng cố.
- + Mặt trận Liên Việt được thành lập.
- + Khôi đại đoàn kết toàn dân phát triển lên một bước mới.
- + Chính sách ruộng đất được triển khai, từng bước thực hiện khẩu hiệu người cày có ruộng.

*Quân sự:*

- + Lực lượng chủ lực đã có sáu đại đoàn bộ binh, một đại đoàn công binh- pháo binh.
- + Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ được ghi vào lịch sử như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa trong thế kỷ XX và đi vào lịch sử như một chiến công hiển hách, báo hiệu sự thắng lợi của nhân dân các dân tộc bị áp bức, sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân.

*Ngoại giao:*

- + Với phương châm kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự và ngoại giao ngày 27 tháng 12 năm 1953, Ban Bí thư ra thông tư nêu rõ: “lập trường của nhân dân Việt Nam là kiên quyết kháng chiến đến thắng lợi cuối cùng, song nhân dân và chính phủ ta cũng tán thành thương lượng nhằm mục đích giải quyết hòa bình vấn đề Việt Nam.
- + Hội nghị quốc tế về chấm dứt chiến tranh Đông Dương chính thức khai mạc ở Giơnevơ ngày 20-7-1954, các văn bản của Hiệp nghị Giơnevơ về chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của quân dân ta kết thúc thắng lợi.

*- Ý nghĩa lịch sử*

- + Đối với nước ta, việc đề ra và thực hiện đường lối kháng chiến, xây dựng chế độ dân chủ nhân dân đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp lập được đế quốc Mỹ giúp sức ở mức độ cao buộc chúng phải công nhận độc lập chủ quyền toàn vẹn lãnh thổ của các nước Đông Dương, giải phóng hoàn toàn Miền Bắc, tạo điều kiện miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội làm căn cứ địa, hậu

thuần cho chiến tranh ở miền Nam, tăng thêm niềm tự hào cho nhân dân ta và nâng cao uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế.

+ Quốc tế: Thắng lợi đó đã cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc trên thế giới, mở rộng địa bàn, tăng thêm lực lượng cho chủ nghĩa xã hội và cách mạng thế giới, mở ra sự sụp đổ của chủ nghĩa thực dân cũ trên thế giới, trước hết là hệ thống thuộc địa của thực dân Pháp.

### 2.3.2. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm

- Nguyên nhân thắng lợi:

+ Sự lãnh đạo vững vàng của Đảng, với đường lối kháng chiến đúng đắn đã huy động được sức mạnh toàn dân tộc đánh giặc.

+ Có sự đoàn kết chiến đấu của toàn dân tộc trong mặt trận dân tộc thống nhất rộng rãi.

+ Có lực lượng vũ trang gồm ba thứ quân do Đảng ta trực tiếp lãnh đạo.

+ Có chính quyền dân chủ nhân dân, của dân, do dân và vì dân được giữ vững, củng cố, lớn mạnh làm công cụ sắc bén tổ chức dân kháng chiến và xây dựng chế độ mới.

+ Có sự liên minh đoàn kết chặt chẽ giữa các nước trên bán đảo Đông Dương cùng chống một kẻ thù chung.

+ Có sự ủng hộ, giúp đỡ của Liên Xô, các nước xã hội chủ nghĩa, các dân tộc yêu chuộng hòa bình trên thế giới, kể cả nhân dân tiến bộ Pháp.

- Bài học kinh nghiệm:

+ Đề ra đường lối đúng đắn và quán triệt sâu rộng cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân thực hiện

+ Kết hợp chặt chẽ, đúng đắn nhiệm vụ chống đế quốc với chống phong kiến và xây dựng chế độ dân chủ nhân dân, gây mầm mống cho chủ nghĩa xã hội.

+ Thực hiện phương châm vừa kháng chiến vừa xây dựng chế độ mới, xây dựng hậu phương ngày càng vững mạnh để có tiềm lực về mọi mặt đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của kháng chiến.

+ Quán triệt tư tưởng chiến lược kháng chiến gian khổ và lâu dài, đồng thời tích cực, chủ động đề ra và thực hiện phương thức tiến hành chiến tranh và nghệ thuật quân sự sáng tạo, kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh ngoại giao, đưa kháng chiến đến thắng lợi.

+ Tăng cường công tác xây dựng Đảng.

### **III. ĐƯỜNG LỐI KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ THỐNG NHẤT ĐẤT NƯỚC (1954- 1975)**

#### **1. Giai đoạn 1954-1964**

##### ***1.1. Hoàn cảnh lịch sử cách mạng Việt Nam sau tháng 7-1954 (Hướng dẫn SV thảo luận)***

*Thuận lợi:*

+ Hệ thống Xã hội chủ nghĩa tiếp tục lớn mạnh cả về kinh tế, quân sự, khoa học kỹ thuật, phong trào đấu tranh các nước dâng cao.

+ Miền bắc hoàn toàn được giải phóng, làm căn cứ địa chung cho cả nước, thế và lực đã lớn, có ý chí độc lập thống nhất Tổ quốc.

*Khó khăn:*

+ Đế quốc Mỹ có tiềm lực kinh tế, quân sự hùng mạnh, âm mưu làm bá chủ thế giới

+ Thế giới đi vào chiến tranh lạnh, chạy đua vũ trang.

+ Sự bất đồng trong các nước Xã hội chủ nghĩa.

Đất nước chia cắt, kinh tế nghèo nàn, lạc hậu, miền Bắc trở thành thuộc địa kiểu mới của Mỹ.

Đặc điểm: Một Đảng lãnh đạo hai đường lối khác nhau (Miền Bắc – Miền Nam)

##### ***1.2. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối***

- Quá trình hình thành và nội dung đường lối.

+ Đảng ta sau tháng 7/1954 là phải vạch ra đường lối đúng

đấn, phù hợp với hai miền.

+ Tháng 9/1954 Bộ chính trị ra nghị quyết về “tình hình mới, nhiệm vụ mới và chính sách mới” đó là: “Từ chiến tranh chuyển sang hòa bình; Nước nhà tạm chia làm hai miền; Từ nông thôn chuyển thành thành thị; Từ phân tán chuyển đến tập trung”.

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 13 (12-1957).

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 15 (1 - 1959)

+ Đại hội III (9 - 1960) đã hoàn chỉnh đường lối chiến lược chung của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới:

- *Nhiệm vụ cách mạng*: Tăng cường đoàn kết, tăng cường đấu tranh giữ vững hòa bình, đẩy mạnh cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền bắc, đẩy mạnh cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền nam.

- *Nhiệm vụ chiến lược*: Cách mạng Việt Nam có 2 giai đoạn: tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền bắc và thực hiện thắng lợi cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền nam.

- *Mục tiêu chiến lược*: Nhiệm vụ cách mạng ở miền Bắc và nhiệm vụ Cách mạng ở miền Nam là hai nhiệm vụ khác nhau, mỗi nhiệm vụ nhằm giải quyết yêu cầu cụ thể của mỗi miền.

- *Mối quan hệ của cách mạng hai miền*: Cách mạng hai miền có quan hệ mật thiết với nhau.

- *Vai trò nhiệm vụ của cách mạng mỗi miền*: Cách mạng Xã hội chủ nghĩa ở miền bắc là xây dựng tiềm lực kinh tế, bảo vệ căn cứ địa của cả nước, làm hậu thuẫn cho miền nam, chuẩn bị cho cả nước đi lên Chủ nghĩa xã hội còn cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền nam quyết định đến sự giải phóng miền Nam khỏi ách thống trị, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước.

- *Con đường thống nhất đất nước*: Phải kiên trì con đường hòa bình thống nhất theo tinh thần hiệp nghị Giơnevơ, bởi đó là con đường tránh được sự hao tổn xương máu cho dân tộc.

- *Triển vọng cách mạng Việt Nam*: Cuộc đấu tranh nhằm thống



nhất nước nhà là một quá trình cách mạng gay go, gian khổ, phức tạp và lâu dài, thắng lợi cuối cùng là chính quyền thuộc về tay nhân dân ta, Bắc Nam sum họp một nhà.

- *Ý nghĩa đường lối* (Hướng dẫn sinh viên tự học)

+ Đường lối đã hành động kịp thời và kết hợp chặt chẽ hai chiến lược cách mạng do Đại Hội lần thứ III đề ra.

+ Đường lối cách mạng Việt Nam đã thể hiện tinh thần độc lập, tự do và sáng tạo.

+ Giành thắng lợi to lớn ở cả hai miền.

## **2. Đường lối trong giai đoạn 1965-1975**

### **2.1. Bối cảnh lịch sử (Hướng dẫn SV thảo luận)**

- Đầu năm 1965 để cứu vãn sự sụp đổ của độ Sài Gòn và sự phá sản của chiến lược: “Chiến tranh đặc biệt”.

Trước tình thế như vậy Đế quốc Mỹ ào ạt đưa chế quân Mỹ và quân chư hầu vào miền Nam và tiến hành cuộc: “Chiến tranh cục bộ”.

Cuộc chiến tranh cục bộ này của Mỹ diễn ra với quy mô rất lớn.

Trước tình hình như vậy thì Đảng đã quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ trên phạm vi cả nước.

*Thuận lợi:*

- Chúng ta bước vào cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước khi cách mạng thế giới đang ở thế tiến công.

- Ở miền Bắc kế hoạch 5 năm lần thứ nhất đã đạt được và vượt các mục tiêu về kinh tế văn hóa.

- Miền Bắc đã chi viện cho cách mạng miền nam rất nhiều thứ cả theo đường bộ và đường biển.

- Ở miền Nam đã vượt qua khó khăn trong những năm 1961 – 1962.

Đến năm 1963 cuộc đấu tranh của dân ta có bước phát triển mới: “Chiến tranh đặc biệt” (Nguy quân, nguy quyền, áp chiến lược đô thị đều bị quân ta tiến công).

Năm 1965 “Chiến tranh đặc biệt” phát triển đến mức cao nhất

nhưng đã bị phá sản.

*Khó khăn:*

+ Liên Xô và Trung Quốc có sự bất đồng không có lợi cho cách mạng Việt Nam.

+ Đế quốc Mỹ mở cuộc: “*Chiến tranh cục bộ*” ồ ạt đưa quân viễn chinh Mỹ và các nước chư hầu vào trực tiếp xâm lược miền nam, chính điều đó làm cho tương quan lực lượng giữa ta và địch có phần bất lợi.

Với tình hình đó đặt ra yêu cầu mới cho Đảng ta trong việc xác định quyết tâm và đề ra đường lối kháng chiến chống Mỹ, cứu nước nhằm đánh thắng giặc mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

## **2.2. Quá trình hình thành, nội dung và ý nghĩa đường lối**

- *Quá trình hình thành và nội dung đường lối:*

+ Hội nghị của Bộ chính trị đầu năm 1961, đầu năm 1962 đã nêu chủ trương giữ vững và phát triển thế tiến công mà ta đã giành được sau cuộc “*Đồng khởi*” năm 1960, đưa cách mạng miền Nam từ khởi nghĩa từng phần đến chiến tranh cách mạng trên quy mô toàn diện.

+ Thực hành kết hợp đấu tranh quân sự và đấu tranh chính trị song song, đẩy mạnh đánh địch bằng *ba mũi giáp công*: quân sự, chính trị, binh vận, vận dụng phương châm đấu tranh phù hợp với từng vùng chiến lược: rừng núi, đồng bằng, thành thị.

+ Hội nghị Trung ương lần thứ chín (tháng 11 năm 1963) khẳng định đấu tranh chính trị, đấu tranh vũ trang đi đôi, cả hai đều có vai trò quyết định cơ bản, đồng thời nhấn mạnh yêu cầu mới của đấu tranh vũ trang.

+ Đối với miền Bắc tiếp tục là căn cứ địa và hậu phương lớn của chiến trường miền Nam.

+ Hội nghị Trung ương lần thứ 11(tháng 3 năm 1965) và Hội nghị Trung ương lần thứ 12 (tháng 12 năm 1965) đã tập trung đánh giá

tình hình và đề ra đường lối kháng chiến, chống Mỹ trên phạm vi cả nước.

- *Về nhận định tình hình và chủ trương chiến lược*: Trung ương Đảng cho rằng “chiến tranh cục bộ” mà Mỹ đang tiến hành là một cuộc chiến tranh xâm lược thực dân mới, buộc phải thực thi trong thế thua, thế thất bại và bị động cho nên nó chứa đầy mâu thuẫn và chiến lược. Từ đó Trung ương Đảng quyết định phát động cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước trong toàn quốc, coi chống Mỹ là nhiệm vụ thiêng liêng của cả dân tộc từ Nam chí Bắc.

- *Quyết tâm và mục tiêu chiến lược*: Nêu cao khẩu hiệu “quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, “kiên quyết đánh bại cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mỹ trong bất kỳ tình huống nào, để bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, tiến tới thực hiện hòa bình thống nhất đất nước.

- *Phương châm chỉ đạo chiến lược*: Tiếp tục và đẩy mạnh cuộc chiến tranh nhân dân chống chiến tranh cục bộ của Mỹ ở miền Nam, đồng thời phát động chiến tranh nhân dân chống chiến tranh phá hoại của Mỹ ở miền Bắc, thực hiện kháng chiến lâu dài, dựa vào sức mình là chính, càng đánh, càng mạnh và cố gắng đến mức độ cao, tranh thủ thời cơ giành thắng lợi quyết định trong thời gian tương đối ngắn trên chiến trường miền Nam.

- *Tư tưởng chỉ đạo và phương châm đấu tranh ở miền Nam*: Giữ vững và phát triển thế tiến công, kiên quyết tiến công và liên tục tiến công, đánh địch trên cả ba vùng chiến lược. Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh quân sự có tác dụng quyết định trực tiếp và giữ vị trí ngày càng quan trọng.

- *Tư tưởng chỉ đạo đối với miền Bắc*: Chuyển hướng xây dựng kinh tế, bảo đảm xây dựng miền Bắc vững mạnh về kinh tế và quốc phòng trong điều kiện có chiến tranh, tiến hành cuộc chiến tranh nhân

dân chống phá hoại của đế quốc Mỹ bảo vệ vững chắc miền Bắc xã hội chủ nghĩa.

- *Nhiệm vụ và mối quan hệ giữa cuộc chiến đấu ở hai miền:*  
 Trong cuộc chiến tranh chống đế quốc Mỹ của nhân dân cả nước, miền Nam là tiền tuyến lớn, miền Bắc là hậu phương lớn, bảo vệ miền Bắc là nhiệm vụ cả nước, khẩu hiệu chung của nhân dân cả nước lúc này là “tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”

- *Ý nghĩa đường lối: (Hướng dẫn sinh viên tự nghiên cứu)*

+ Thể hiện quyết tâm đánh Mỹ và thắng Mỹ, tinh thần cách mạng tiến công, tinh thần độc lập tự chủ, sự kiên trì giải phóng miền Nam, thống nhất tổ quốc, phản ánh đúng đắn ý chí, nguyện vọng của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân.

+ Thể hiện tư tưởng nắm vững, dương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, tiếp tục tiến hành đồng thời và kết hợp chặt chẽ hai miền chiến lược cách mạng trong hoàn cảnh cả nước có chiến tranh ở mức độ khác nhau, phù hợp với thực tế đất nước và bối cảnh quốc tế.

+ Đó là đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài dựa vào sức mình là chính được phát triển trong hoàn cảnh mới.

### **3. Kết quả, ý nghĩa lịch sử, nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm. (Hướng dẫn SV tự học)**

#### **3.1. Kết quả và ý nghĩa thắng lợi**

\* Kết quả:

- *Ở miền Bắc:*

+ Một chế độ mới, chế độ xã hội chủ nghĩa bắt đầu được hình thành

+ Các lĩnh vực khác của đời sống xã hội như văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục phát triển mạnh.

+ Quân dân miền Bắc đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ, miền Bắc hoàn thành xuất sắc vai trò căn cứ địa cách mạng của cả nước và hậu phương lớn của chiến trường miền Nam.

- *Ở miền Nam:* Với sự lãnh chỉ đạo đúng đắn của Đảng quân và dân ta đã đánh bại các chiến lược chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ và bọn chư hầu đưa đến đỉnh cao là đại thắng mùa xuân 1975 đã đập tan toàn bộ chính quyền địch, buộc chúng phải đầu hàng vô điều kiện, giải phóng hoàn toàn miền Nam.

\* Ý nghĩa lịch sử:

- *Đối với nhân dân Việt Nam:* Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã mở ra một bước ngoặt vĩ đại cho lịch sử dân tộc Việt Nam. Nó kết thúc vẻ vang quá trình 30 năm đấu tranh giải phóng dân tộc và bảo vệ Tổ quốc bắt đầu từ cách mạng Tám năm 1945, chấm dứt ách thống trị hơn một thế kỷ của chủ nghĩa đế quốc trên đất nước ta, Tổ quốc Việt Nam độc lập, thống nhất đi lên chủ nghĩa xã hội.

- *Đối với thế giới:* Thắng lợi của nhân dân Việt Nam đã làm thất bại cuộc chiến tranh xâm lược thực dân với quy mô lớn nhất và dài nhất từ sau chiến tranh thế giới lần thứ hai, làm phá sản chủ nghĩa thực dân kiểu mới của Mỹ trên đất nước ta; làm đảo lộn chiến lược toàn cầu phản cách mạng của tên đế quốc đầu sỏ, nâng cao uy tín của hệ thống XHCN và cổ vũ phong trào cách mạng thế giới

### **3.2. Nguyên nhân thắng lợi và bài học kinh nghiệm**

\* *Nguyên nhân thắng lợi*

- Có sự lãnh đạo đúng đắn, sáng tạo, độc lập, tự chủ của Đảng.
- Có nhân dân và lực lượng vũ trang cách mạng anh hùng, kiên cường bất khuất.
- Có hậu phương miền Bắc xã hội chủ nghĩa.
- Có sự đoàn kết chiến đấu của nhân dân ba nước Việt Nam, Lào Campuchia.
- Có sự đoàn kết giúp đỡ về vật chất, tinh thần của các quốc gia, nhân dân ưa chuộng hoà bình trên thế giới.

\* *Bài học kinh nghiệm*

- Giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội nhằm huy động sức mạnh toàn dân đánh Mỹ, cả nước đánh Mỹ, kết hợp sức mạnh của tiền tuyến lớn với hậu phương lớn, kết hợp sức mạnh của nhân dân ta với sức mạnh của thời đại, tạo nên sức mạnh tổng hợp để chiến đấu và chiến thắng giặc Mỹ xâm lược.

- Tin tưởng vào sức mạnh của dân tộc, kiên định tư tưởng chiến lược tiến công, quyết đánh và quyết thắng để quốc Mỹ xâm lược.

- Thực hiện chiến tranh nhân dân, tìm ra biện pháp chiến đấu đúng đắn, sáng tạo. Để chống lại kẻ địch xâm lược hùng mạnh, thực hiện chiến tranh nhân dân đồng thời phải chú trọng tổng kết thực tiễn để tìm ra phương pháp đấu tranh, phương pháp chiến đấu đúng đắn, linh hoạt, sáng tạo.

- Sự chỉ đạo chiến lược đúng đắn của Trung ương Đảng và công tác tổ chức chiến đấu tài giỏi của Đảng qua các cấp bộ Đảng và các cấp chỉ huy quân đội.

- Phải coi trọng công tác xây dựng Đảng, xây dựng lực lượng cách mạng cả hậu phương và tiền tuyến.

#### **IV. LƯỢNG GIÁ**

1. Làm rõ luận cương chính trị 10/1930 của Đảng và những thiếu sót của Hội nghị Trung ương lần 1 (10/1930)

2. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cao trào cách mạng 1930- 1935?

3. Sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào dân chủ 1936- 1939?

4. Sự lãnh đạo của Đảng đối với phong trào giải phóng dân tộc 1939 đến đầu 1945?

5. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử của cuộc cách mạng Tháng Tám năm 1945?

1. Vì sao nói sau Cách mạng Tháng Tám 1945 tình hình cách mạng nước ta như ngàn cân treo sợi tóc?

2. Nội dung bản chỉ thị kháng chiến kiến quốc ngày 25. 11. 1945 của Trung ương Đảng và ý nghĩa thắng lợi của thời kỳ 1945- 1946?

3. Sự lãnh đạo kháng chiến của Đảng thời kỳ 1946- 1954?
4. Nguyên nhân thắng lợi, ý nghĩa lịch sử và kinh nghiệm của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ?
5. Nội dung đường lối tiến hành đồng thời hai chiến lược cách mạng được Đảng hoàn chỉnh tại Đại hội lần thứ III (9-1960)?
6. Sự lãnh đạo của Đảng đối với công cuộc xây dựng và bảo vệ hậu phương miền Bắc XHCN thời kỳ năm 1954-1975?
7. Sự lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng miền Nam thời kỳ năm 1954-1975?
8. Nguyên nhân của những thắng lợi, ý nghĩa và kinh nghiệm lịch sử của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước

### **Chương III: ĐƯỜNG LỐI CÔNG NGHIỆP HÓA VÀ XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.**

#### **MỤC TIÊU:**

##### **1. Về kiến thức:**

- Làm cho người học hiểu rõ đường lối tiến hành Công nghiệp hóa đất nước trong tổng thể đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam

- Hiểu rõ nội dung đầy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay

- Làm cho sinh viên hiểu rõ đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng XHCN trong tổng thể đường lối đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam.

- Cần trình bày và giải thích rõ nội dung cơ bản trong đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta được xác định trong Văn kiện Đại hội Đảng

##### **2. Về kỹ năng:**

Giúp sinh viên thấy được việc thực hiện đường lối công nghiệp hóa ở Việt Nam đã đạt được những thành tựu quan trọng, là cơ sở phân đầu để sớm đưa nước ta khỏi tình trạng kém phát triển và cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020.

Giúp sinh viên thấy được sau 25 năm đổi mới thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa đã hình thành và từng bước hoàn thiện. Thể chế mới đã đi vào cuộc sống và phát huy hiệu quả tích cực, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững, khắc phục sự khủng hoảng kinh tế xã hội, tạo ra tiền đề cần thiết thúc đẩy nhanh quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.



# I. CÔNG NGHIỆP HÓA, HIỆN ĐẠI HÓA THỜI KỲ ĐỔI MỚI

## 1. Mục tiêu, quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

### 1.1. Mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa

Đại hội X đề ra mục tiêu Công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển.

*Đại hội lần thứ XI:* Phấn đấu đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại

### 1.2. Quan điểm công nghiệp hóa, hiện đại hóa

- Công nghiệp hóa gắn với hiện đại hóa; công nghiệp hóa, hiện đại gắn với phát triển kinh tế tri thức.

- Công nghiệp hóa, hiện đại gắn với phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Lấy phát huy nguồn lực con người là yếu tố cơ bản cho sự phát triển nhanh và bền vững.

- Coi phát triển khoa học và công nghệ là nền tảng, là động lực của công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững; tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường tự nhiên, bảo tồn đa dạng sinh học.

## 2. Quá trình đổi mới tư duy về công nghiệp hóa từ Đại hội VI đến Đại hội XI

- *Đại hội VI* đã chỉ ra sai lầm, khuyết điểm của việc thực hiện công nghiệp hóa thời kỳ trước đổi mới và ĐH VI cũng đã cụ thể hóa nội dung chính của công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa những năm còn lại của chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ là thực hiện cho bằng được 3 chương trình (lương thực- thực phẩm, hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu).

- *Hội nghị Trung ương 7 khóa VII (1-1994)* đã có bước đột phá mới trong nhận thức về công nghiệp hóa thể hiện ở khái niệm: “*Công*

*nghiệp hóa, hiện đại là quá trình chuyển đổi căn bản toàn diện các hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ và quản lý kinh tế, xã hội từ sử dụng lao động thủ công là chính sang sử dụng một cách phổ biến sức lao động với công nghệ, phương tiện và phương pháp tiên tiến, hiện đại, dựa trên sự phát triển công nghiệp và tiến bộ khoa học – công nghệ, tạo ra năng suất lao động xã hội cao”.*

- Đại hội VIII (6 – 1996) nhìn lại 10 năm đổi mới và có nhận định: Nước ta thoát khỏi khủng hoảng kinh tế xã hội, nhiệm vụ đề ra cho chặng đường đầu của thời kỳ quá độ là chuẩn bị tiền đề cho công nghiệp hóa đã cơ bản hoàn thành cho phép chuyển sang thời kỳ mới đó là đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại đất nước.

- Đại hội VIII tiếp tục khẳng định quan niệm về công nghiệp hóa, hiện đại nêu ra ở Hội nghị Trung ương 7 khóa VII (1-1994).

- Đến Đại hội IX (4-2001), Đại hội X (4-2006) tiếp tục bổ sung và nhấn mạnh một số điểm mới về công nghiệp hóa, hiện đại.

+ Con đường công nghiệp hóa ở nước ta cần và có thể rút ngắn thời gian so với các nước đi trước.

+ Hướng Công nghiệp hóa, hiện đại ở nước ta là phải phát triển nhanh có hiệu quả các sản phẩm, các ngành, các lĩnh vực có lợi thế đáp ứng nhu cầu trong nước và xuất khẩu.

+ Công nghiệp hóa, hiện đại đất nước phải đảm bảo xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đẩy mạnh Công nghiệp hóa, hiện đại nông nghiệp nông thôn hướng vào nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm nông nghiệp.

- Quan điểm của Đại hội XI năm 2011 của Đảng về công nghiệp hóa - hiện đại hóa

- Chuyển đổi mô hình tăng trưởng từ chủ yếu phát triển theo chiều rộng sang phát triển hợp lý giữa chiều rộng và chiều sâu, vừa mở rộng quy mô vừa chú trọng nâng cao chất lượng, hiệu quả, tính bền vững.

- Phát triển công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, tiếp

tục tạo nền tảng cho một nước công nghiệp, nâng cao khả năng độc lập, tự chủ của nền kinh tế.

- Phát triển nông lâm ngư nghiệp toàn diện theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá gắn với giải quyết tốt vấn đề nông dân, nông thôn.

- Phát triển các ngành dịch vụ, nhất là dịch vụ tài chính, ngân hàng, thương mại, du lịch và các dịch vụ có giá trị gia tăng cao.

- Tập trung xây dựng, tạo bước đột phá về hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế đáp ứng yêu cầu phát triển của đất nước.

- Phát triển kinh tế - xã hội hài hoà giữa các vùng, đô thị và nông thôn.

### **3. Nội dung và định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển kinh tế tri thức**

#### ***3.1. Nội dung (Hướng dẫn SV thảo luận)***

Đại hội X của Đảng chỉ rõ: “Chúng ta cần tranh thủ các cơ hội thuận lợi do bối cảnh quốc tế tạo ra và tiềm năng, lợi thế của nước ta để rút ngắn quá trình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa gắn với phát triển kinh tế tri thức. Phải coi kinh tế tri thức là yếu tố quan trọng của nền kinh tế và Công nghiệp hóa, hiện đại hóa”.

- Phát triển mạnh các ngành và sản phẩm kinh tế có giá trị gia tăng cao dựa nhiều vào tri thức kết hợp sử dụng nguồn vốn tri thức của người Việt Nam với tri thức mới nhất của nhân loại.

- Coi trọng cả số lượng và chất lượng tăng trưởng kinh tế trong mỗi bước phát triển của đất nước ở từng vùng, từng địa phương, từng dự án kinh tế - xã hội.

- Xây dựng cơ cấu kinh tế hiện đại và hợp lý.

- Giảm chi phí trung gian, nâng cao năng suất lao động của tất cả các ngành, lĩnh vực, nhất là các ngành, lĩnh vực có sức cạnh tranh cao.

#### ***3.2. Định hướng phát triển các ngành và lĩnh vực kinh tế trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với***

***phát triển kinh tế tri thức.***

\* Đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn, giải quyết đồng bộ các vấn đề nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

*Một là, Vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp*

Vấn đề nông nghiệp, nông thôn và nông dân là một vấn đề có tầm quan trọng hàng đầu của quá trình Công nghiệp hóa đối với tất cả các nước đang tiến hành công nghiệp hóa trên thế giới

*Định hướng:* Chuyển dịch mạnh cơ cấu nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng tạo ra giá trị ngày càng tăng.

Tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ; giảm dần sản phẩm và lao động nông nghiệp.

*Hai là, về quy hoạch phát triển nông thôn:*

+ Khẩn trương xây dựng các quy hoạch nông thôn, thực hiện chương trình xây dựng nông thôn mới.

+ Hình thành các khu dân cư đô thị với kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ như thủy lợi, giao thông, điện, nước sạch, cụm công nghiệp, trường học, bưu điện, chợ ...

+ Phát huy dân chủ ở nông thôn, đi đôi với việc xây dựng nếp sống văn hóa, nâng cao trình độ dân trí, bài trừ các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, mê tín dị đoan, đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

*Ba là, về giải quyết lao động việc làm ở nông thôn.*

+ Chú trọng dạy nghề, giải quyết việc làm cho nông dân

+ Đầu tư mạnh hơn cho các chương trình xóa đói giảm nghèo, nhất là ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

\* Phát triển nhanh hơn công nghiệp, xây dựng và dịch vụ

*Một là, đối với công nghiệp và xây dựng:*

+ Khuyến khích phát triển công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp chế tác, công nghiệp phần mềm, và công nghiệp hỗ trợ có lợi thế cạnh tranh, tạo nhiều sản phẩm và thu hút nhiều lao động

+ Khuyến khích và tạo điều kiện để các thành phần kinh tế tham gia phát triển các ngành công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu.

+ Tích cực thu hút vốn trong và ngoài nước để đầu tư thực hiện các dự án quan trọng về khai thác dầu khí, lọc dầu và hóa dầu luyện kim, cơ khí chế tạo, hóa chất cơ bản, phân bón, vật liệu xây dựng.

+ Có chính sách hạn chế xuất khẩu tài nguyên thô.

+ Thu hút chuyên gia giỏi cao cấp của nước ngoài và trong cộng đồng người Việt Nam định cư ở nước ngoài.

+ Xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng kỹ thuật kinh tế - xã hội nhất là, sân bay quốc tế, cảng biển, đường cao tốc, đường ven biển, mạng lưới điện, hệ thống thủy lợi, cấp thoát nước.

+ Phát triển công nghiệp năng lượng gắn với công nghệ tiết kiệm năng lượng.

+ Tăng nhanh năng lực và hiện đại hóa bưu chính viễn thông.

*Hai là, đối với dịch vụ:*

+ Tạo bước phát triển vượt bậc của các ngành dịch vụ, nhất là những ngành có chất lượng cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh, đưa tốc độ phát triển của ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng GDP.

+ Tận dụng tốt thời cơ hội nhập kinh tế quốc tế để tạo bước phát triển ngành “công nghiệp không ống khói”.

+ Tiếp tục mở rộng và nâng cao chất lượng các ngành dịch vụ truyền thống như vận tải thương mại, ngân hàng, bưu chính viễn thông, du lịch.

+ Phát triển mạnh các dịch vụ phục vụ sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp phục vụ đời sống ở khu vực nông thôn.

+ Đổi mới căn bản cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.

+ Nhà nước kiểm soát chặt chẽ độc quyền và tạo hành lang pháp lý, môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh

tế tham gia bình đẳng trên thị trường dịch vụ.

**\* Phát triển kinh tế vùng:**

*Một là*, Có cơ chế, chính sách phù hợp để các vùng trong cả nước cùng phát triển nhanh hơn, trên cơ sở phát huy lợi thế so sánh, hình thành cơ cấu kinh tế hợp lý của mỗi vùng và liên vùng, đồng thời tạo ra sự liên kết giữa các vùng nhằm đem lại hiệu quả cao.

*Hai là*, Xây dựng ba vùng kinh tế trọng điểm ở miền Bắc, miền trung, miền Nam thành những trung tâm công nghiệp lớn có công nghệ cao để các vùng này đóng góp ngày càng lớn cho sự phát triển chung của cả nước.

**\* Phát triển kinh tế biển:**

- Xây dựng và thực hiện chiến lược phát triển kinh tế biển toàn diện, có trọng tâm trọng điểm để sớm đưa nước ta trở thành quốc gia mạnh về kinh tế biển trong khu vực gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh và hợp tác quốc tế.

- Hoàn chỉnh quy hoạch và phát triển có hiệu quả hệ thống cảng biển và vận tải biển, khai thác và chế biến dầu khí, khai thác và chế biến hải sản, phát triển du lịch biển.

- Đẩy mạnh phát triển ngành công nghiệp đóng tàu biển, đồng thời hình thành một số hành lang kinh tế ven biển.

**\* Chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu công nghệ**

*Một là*, Phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo đến năm 2010 có nguồn nhân lực với cơ cấu đồng bộ và chất lượng cao.

*Hai là*, Phát triển khoa học và công nghệ phù hợp với xu thế phát triển nhảy vọt của cách mạng khoa học và công nghệ.

*Ba là*, Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động khoa học và công nghệ với giáo dục và đào tạo để thực sự phát huy vai trò quốc sách hàng đầu tạo động lực đẩy nhanh Công nghiệp hóa, hiện đại hóa và phát triển kinh tế tri thức.

- Thực hiện chính sách trọng dụng nhân tài.

*Bốn là*, Đổi mới cơ bản về quản lý khoa học và công nghệ.

\* Bảo vệ, sử dụng hiệu quả tài nguyên quốc gia, cải thiện môi trường tự nhiên

*Một là*, Tăng cường quản lý tài nguyên quốc gia, nhất là các tài nguyên như: đất, nước, khoáng sản và rừng.

*Hai là*, Từng bước hiện đại hóa công tác nghiên cứu, dự báo khí tượng - thủy văn, chủ động phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn.

*Ba là*, Xử lý tốt mối quan hệ giữa tăng dân số, phát triển kinh tế và đô thị hóa với bảo vệ môi trường, đảm bảo phát triển bền vững.

*Bốn là*, Mở rộng hợp tác quốc tế về bảo vệ môi trường và quản lý tài nguyên thiên nhiên, chú trọng lĩnh vực quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

#### **4. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân (Hướng dẫn SV tự học)**

##### **4.1. Kết quả thực hiện đường lối và ý nghĩa**

- Cơ sở vật chất kỹ thuật của đất nước được tăng cường đáng kể, khả năng độc lập tự chủ của nền kinh tế được nâng cao.

- Cả nước đã có những khu công nghiệp, khu chế xuất tập trung, nhiều khu hoạt động có hiệu quả, một số sản phẩm công nghiệp đã cạnh tranh được trên thị trường quốc tế.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp hóa-hiện đại hóa đã đạt được những kết quả quan trọng, cơ cấu kinh tế đã có sự điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế so sánh của từng vùng. Các vùng kinh tế trọng điểm phát triển khá nhanh đóng góp quan trọng vào sự tăng trưởng và là đầu tàu của nền kinh tế.

+ Cơ cấu thành phần kinh tế tiếp tục chuyển dịch theo hướng phát huy tiềm năng của các thành phần kinh tế và đan xen nhiều hình thức sở hữu.

+ Cơ cấu lao động đã có sự chuyển đổi tích cực gắn với quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

- Những thành tựu của công nghiệp hóa, hiện đại hóa đã góp phần quan trọng đưa nền kinh tế tăng trưởng khá cao, đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân tiếp tục cải thiện.

## **4.2. Hạn chế và nguyên nhân**

### **4.2.1. Hạn chế**

- Tốc độ tăng trưởng kinh tế còn khá thấp so với khả năng và thấp hơn nhiều so với nhiều nước trong khu vực thời kỳ đầu công nghiệp hóa.

- Nguồn lực của đất nước chưa được sử dụng hiệu quả, tài nguyên, đất đai và các nguồn vốn khác của Nhà nước còn lãng phí, thất thoát nghiêm trọng, nhiều nguồn lực đất nước trong nhân dân chưa được phát huy.

- Cơ cấu kinh tế chuyển dịch còn chậm

- Các vùng kinh tế trọng điểm chưa phát huy được thế mạnh để đi nhanh vào cơ cấu kinh tế hiện đại.

- Cơ cấu thành phần kinh tế phát triển chưa tương xứng với tiềm năng

- Cơ cấu đầu tư chưa hợp lý

### **4.2.2. Nguyên nhân:**

Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của Bộ chính trị, ban Bí thư và quản lý điều hành của Nhà nước trong xử lý mối quan hệ giữa tốc độ và chất lượng tăng trưởng, giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường còn hạn chế.

Nhiều chính sách và giải pháp chưa đủ mạnh để huy động và phát huy tốt nội lực

Sự yếu kém của kết cấu hạ tầng giao thông, điện cản trở sự phát triển

Chỉ đạo và tổ chức thực hiện yếu kém

## **II. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG NỀN KINH TẾ THỊ TRƯỜNG ĐỊNH HƯỚNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**



## 1. Sự hình thành tư duy của Đảng về kinh tế thị trường thời kỳ đổi mới

### 1.1. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội VI đến Đại hội VIII (Hướng dẫn sinh viên thảo luận)

- Kinh tế thị trường không phải là cái riêng có của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu phát triển chung của nhân loại.

+ Lịch sử phát triển nền sản xuất xã hội cho thấy sản xuất và trao đổi hàng hóa là tiền đề quan trọng cho sự ra đời và phát triển của kinh tế thị trường.

+ Kinh tế thị trường đã có mầm mống từ trong xã hội nô lệ, hình thành trong xã hội phong kiến và phát triển cao trong chủ nghĩa tư bản.

+ Kinh tế thị trường có lịch sử phát triển lâu dài, nhưng cho đến nay nó mới biểu hiện rõ rệt nhất trong chủ nghĩa tư bản. Nếu trước chủ nghĩa tư bản, kinh tế thị trường còn ở thời kỳ manh nha, trình độ thấp thì trong chủ nghĩa tư bản thì nó đạt đến trình độ cao đến mức chi phối toàn bộ cuộc sống của con người trong xã hội đó. Điều đó khiến người ta nghĩ rằng kinh tế thị trường là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản.

+ Chủ nghĩa tư bản không sản sinh ra kinh tế hàng hóa, do đó kinh tế thị trường với tư cách là kinh tế hàng hóa ở trình độ cao không phải là sản phẩm riêng của chủ nghĩa tư bản mà là thành tựu chung của nhân loại.

- Kinh tế thị trường còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội.

+ Kinh tế thị trường xét dưới góc độ “*một kiểu tổ chức kinh tế*” là phương thức tổ chức, vận hành nền kinh tế, là phương tiện điều tiết kinh tế lấy cơ chế thị trường làm cơ sở để phân bổ các nguồn lực kinh tế và điều tiết mối quan hệ giữa người với người.

+ Kinh tế thị trường chỉ đối lập với kinh tế tự nhiên, tự cấp, tự túc, chứ không đối lập với các chế độ xã hội.

+ Bản thân kinh tế thị trường không phải là đặc trưng bản chất cho chế độ kinh tế cơ bản của xã hội.

+ Kinh tế thị trường là thành tựu chung của văn minh nhân loại, kinh tế thị trường tồn tại và phát triển ở nhiều phương thức sản xuất khác nhau.

+ Kinh tế thị trường không đối lập với chủ nghĩa xã hội, nó tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và cả trong chủ nghĩa xã hội.

+ Đại hội VII của Đảng (6/1991) trong khi khẳng định chủ trương tiếp tục xây dựng nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần, phát huy thế mạnh của các thành phần kinh tế vừa cạnh tranh vừa hợp tác bổ sung cho nhau trong nền kinh tế quốc dân thống nhất đã đưa ra kết luận quan trọng rằng, sản xuất hàng hóa không đối lập với chủ nghĩa xã hội, nó tồn tại khách quan và cần thiết cho xây dựng cho chủ nghĩa xã hội

+ Tiếp tục đường lối trên, Đại hội VIII (6/1996) đề ra nhiệm vụ đẩy mạnh công cuộc đổi mới toàn diện và đồng bộ, tiếp tục phát triển nền kinh tế nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

+ Kinh tế thị trường không đối lập với chủ nghĩa xã hội, nó còn tồn tại khách quan trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vì vậy, có thể và cần thiết sử dụng kinh tế thị trường để xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

+ Là thành tựu của nền văn minh nhân loại, bản thân kinh tế thị trường không có thuộc tính xã hội, vì vậy, kinh tế thị trường có thể sử dụng ở các chế độ xã hội khác nhau.

+ Trước đổi mới, do chưa thừa nhận trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại sản xuất hàng hóa và cơ chế thị trường nên chúng ta đã xem kế hoạch là đặc trưng quan trọng nhất của kinh

tế xã hội chủ nghĩa.

+ Vào thời kỳ đổi mới, chúng ta ngày càng nhận rõ kinh tế thị trường, nếu biết vận dụng đúng, thì có vai trò rất lớn đối với sự phát triển kinh tế - xã hội.

Thực tiễn cho thấy, chủ nghĩa tư bản không sinh ra kinh tế thị trường nhưng đã biết kế thừa và khai thác có hiệu quả các lợi thế của kinh tế thị trường để phát triển.

+ Thực tiễn đổi mới ở nước ta cũng đã chứng minh sự cần thiết và hiệu quả của việc sử dụng kinh tế thị trường làm phương tiện xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### ***1.2. Tư duy của Đảng về kinh tế thị trường từ Đại hội IX đến Đại hội XI***

- Đại hội IX khẳng định: Xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình kinh tế tổng quát trong thời kỳ quá độ lên Chủ nghĩa xã hội ở nước ta:

+ Đó là nền kinh tế hàng hóa nhiều thành phần vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Đây là bước chuyển quan trọng từ nhận thức kinh tế thị trường như một công cụ, một cơ chế quản lý, sang coi kinh tế thị trường như một chỉ thể, là cơ sở kinh tế của sự phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Đại hội IX xác định kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là “một kiểu tổ chức kinh tế vừa tuân theo quy luật của kinh tế thị trường vừa dựa trên cơ sở và chịu sự dẫn dắt chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội”.

+ Nói kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là nói đến kinh tế không phải là kinh tế tự nhiên, tự cấp tự túc, cũng không phải kinh tế kế hoạch hóa tập trung, cũng không phải là kinh tế thị trường tư bản chủ nghĩa và cũng chưa hoàn toàn là kinh tế thị trường.

xã hội chủ nghĩa vì chưa có đầy đủ các yếu tố xã hội chủ nghĩa.

- Đại hội X làm rõ hơn về định hướng xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường ở nước ta, thể hiện trên 4 tiêu chí:

**+ Về mục đích phát triển:**

- Nhằm thực hiện “Dân giàu, nước mạnh, xã hội dân chủ, công bằng, văn minh”

- Nâng cao đời sống của nhân dân, đẩy mạnh xóa đói giảm nghèo, khuyến khích mọi người vươn lên làm giàu chính đáng, giúp đỡ người khác thoát nghèo...

- Mục đích phát triển kinh tế là vì con người

**+ Về phương hướng phát triển**

- Phát triển nền kinh tế với nhiều hình thức sở hữu, nhiều thành phần kinh tế.

- Trong nền kinh tế nhiều thành phần thì kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, là công cụ chủ yếu để nhà nước điều tiết nền kinh tế.

- Quá độ lên chủ nghĩa xã hội thì nền kinh tế của nước ta phải được dựa trên nền tảng của sở hữu toàn dân về các tư liệu sản xuất là chủ yếu.

**+ Về định hướng xã hội và phân phối**

- Thực hiện công bằng xã hội phải thực hiện ngay trong từng bước đi và trong từng chính sách.

- Phát triển kinh tế phải gắn chặt và đồng bộ với công bằng xã hội.

- Phân phối chủ yếu là theo kết quả lao động, hiệu quả kinh tế, phúc lợi xã hội, ngoài ra chúng ta còn phân phối theo mức đóng góp và các nguồn lực khác.

**+ Về quản lý**

- Phát huy vai trò làm chủ của nhân dân, nhà nước quản lý, và Đảng lãnh đạo.

- Hoàn thiện nhận thức của mọi người về chủ trương nền kinh tế nhiều thành phần.

- Các thành phần kinh tế hoạt động theo pháp luật
- Kinh tế Nhà nước giữ vai trò chủ đạo
- Kinh tế nhà nước và kinh tế tập thể là nền tảng vững chắc của nền kinh tế quốc dân.
- Kinh tế tư nhân có vai trò quan trọng là một trong những động lực của nền kinh tế.

*\* Đại hội XI của Đảng về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.*

- Giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa của nền kinh tế thị trường, phát triển kinh tế thị trường chủ động, tích cực, hội nhập quốc tế, đồng thời giữ vững, tăng cường tính độc lập, tự chủ của nền kinh tế phát triển kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, xã hội, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách.

- Phát triển các hình thức sở hữu, các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp, đổi mới, hoàn thiện luật pháp, cơ chế, chính sách về sở hữu đối với đất đai, tài nguyên, vốn và các loại tài sản công khác để tài nguyên, vốn và tài sản công được quản lý, sử dụng có hiệu quả, khắc phục tình trạng thất thoát, lãng phí. Đẩy mạnh đổi mới, sắp xếp và nâng cao hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp nhà nước. Đẩy mạnh đổi mới tổ chức, cơ chế hoạt động của các đơn vị dịch vụ công phù hợp với kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa.

- Đẩy mạnh phát triển kinh tế tập thể với nhiều hình thức đa dạng, mà nòng cốt là hợp tác xã. Tổng kết tình hình phát triển của các hợp tác xã và thực hiện luật Hợp tác xã. Khẩn trương hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế, chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện cho việc ra đời, phát triển các hợp tác xã, các tổ hợp tác kiểu mới và các mô hình kinh tế tập thể khác theo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi, có chức năng kinh tế và xã hội.

- Hoàn thiện cơ chế, chính sách để phát triển mạnh kinh tế tư nhân

trở thành một trong những động lực của nền kinh tế.

- Khuyến khích phát triển các loại hình doanh nghiệp với nhiều hình thức sở hữu hỗn hợp như: Công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn nhiều thành viên, công ty hợp danh, hợp tác xã hợp phần.

\* Phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và các loại thị trường.

## **2. Tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa:**

### **2.1. Mục tiêu và quan điểm cơ bản**

#### **2.1.1. Thể chế kinh tế và thể chế kinh tế thị trường**

+ Thể chế kinh tế là một bộ phận cấu thành của hệ thống thể chế xã hội, tồn tại bên trong các bộ phận khác như thể chế chính trị, thể chế giáo dục...

+ Thể chế kinh tế thị trường là hệ thống các quy phạm pháp luật nhằm điều chỉnh các chủ thể kinh tế, các hành vi sản xuất kinh doanh và các quan hệ kinh tế.

Thể chế kinh tế thị trường là một tổng thể bao gồm các bộ quy tắc, luật lệ và hệ thống các thực thể, tổ chức kinh tế được tạo lập nhằm điều chỉnh hoạt động giao dịch, trao đổi trên thị trường.

*Thể chế kinh tế thị trường bao gồm:*

+ Các quy tắc về hành vi kinh tế diễn ra trên thị trường, các bên tham gia với tư cách là các chủ thể thị trường.

+ Cách thức thực hiện hiện các quy tắc là nhằm đạt được mục tiêu hay kết quả mà các bên tham gia thị trường mong muốn.

+ Thị trường là nơi hàng hóa được giao dịch trao đổi, trên cơ sở các yêu cầu, quy định của luật lệ (VD: như vốn, hàng hóa, dịch vụ, lao động, công nghệ, bất động sản.).

*Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa:* Là một nền kinh tế vừa tuân theo các quy luật của kinh tế thị trường, vừa chịu chi phối của các yếu tố đảm bảo tính định hướng Xã hội chủ nghĩa.

+ Thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa là

trong đó các thiết chế, công cụ và nguyên tắc vận hành được tự giác tạo lập và sử dụng để phát triển lực lượng sản xuất, cải thiện đời sống nhân dân vì mục tiêu dân giàu...

+ Xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở nước ta trong hơn 20 năm đổi mới những kết quả nhất định.

*2.1.2. Mục tiêu hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa (hướng dẫn sinh viên thảo luận)*

\* Nội dung thảo luận: Mục tiêu cơ bản của kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa đến năm 2020

\* Giải thích: Mục tiêu cơ bản của việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa ở nước ta là làm cho các thể chế phù hợp với những nguyên tắc cơ bản của kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa phát triển nhanh, hiệu quả bền vững để hội nhập kinh tế quốc tế.

\* Mục tiêu đến năm 2020 cần đạt được

+ Từng bước xây dựng đồng bộ hệ thống pháp luật để cho kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa phát triển thuận lợi, phát huy vai trò chủ đạo của nhà nước, đẩy mạnh phát triển các thành phần kinh tế.

+ Đổi mới cơ bản mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công.

+ Phát triển đồng bộ đa dạng các loại thị trường trong nước và liên kết với thị trường khu vực và quốc tế.

+ Giải quyết tốt hơn mối quan hệ giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hóa - xã hội đảm bảo tiên bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường.

+ Nâng cao hiệu lực quản lý của nhà nước, phát huy vai trò của mặt trận tổ quốc và các đoàn thể chính trị.

*2.1.3. Quan điểm về hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa*

- Nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của kinh tế thị trường...

- Đảm bảo tính đồng bộ giữa các bộ phận cấu thành của thể chế kinh tế, giữa các yếu tố thị trường...

- Kế thừa có chọn lọc thành tựu phát triển kinh tế thị trường của nhân loại, kinh nghiệm tổng kết từ thực tiễn đổi mới ở nước ta.

- Chủ động, tích cực giải quyết các vấn đề lý luận và thực tiễn quan trọng... vừa làm vừa tổng kết rút kinh nghiệm.

- Nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, hiệu lực và hiệu quả quản lý của Nhà nước...

## ***2.2. Một số chủ trương tiếp tục hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

\* Thống nhất nhận thức về nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa

Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường là làm cho nó phù hợp với yêu cầu và nguyên tắc kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, làm cho nó vận hành thông suốt và có hiệu quả.

\* Hoàn thiện thể chế về sở hữu và các thành phần kinh tế, loại hình doanh nghiệp và các tổ chức sản xuất kinh doanh.

\* Hoàn thiện thể chế đảm bảo đồng bộ các yếu tố thị trường và phát triển đồng bộ các loại hình thị trường.

\* Hoàn thiện thể chế gắn tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển và bảo vệ môi trường.

\* Hoàn thiện thể chế về vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia của các tổ chức quần chúng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội.

## ***3. Kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân (hướng dẫn sinh viên tự học)***

### ***3.1. Kết quả và ý nghĩa***



- Đã chuyển đổi thành công từ thể chế kinh tế kế hoạch tập trung quan liêu, bao cấp sang thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Chế độ sở hữu với nhiều hình thức và cơ cấu kinh tế nhiều thành phần được hình thành.

- Các loại thị trường cơ bản đã ra đời và từng bước phát triển thống nhất trong cả nước, gắn với thị trường khu vực và thế giới.

- Việc gắn phát triển kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, xóa đói giảm nghèo đạt nhiều kết quả tích cực.

### **3.2. Hạn chế và nguyên nhân**

#### **\* Hạn chế:**

- Quá trình xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng XHCN còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu của công cuộc đổi mới và hội nhập kinh tế quốc tế.

- Vấn đề sở hữu, quản lý và phân phối trong DN nhà nước chưa giải quyết tốt.

- Cơ cấu tổ chức, cơ chế vận hành của bộ máy nhà nước còn nhiều bất cập, hiệu quả, hiệu lực quản lý còn thấp.

#### **\* Nguyên nhân:**

- Việc xây dựng thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là vấn đề hoàn toàn mới chưa có tiền lệ trong lịch sử.

- Năng lực thể chế hóa và quản lý tổ chức thực hiện của Nhà nước còn chậm, nhất là trong việc giải quyết các vấn đề xã hội bức xúc.

- Vai trò tham gia hoạch định chính sách, thực hiện và giám sát của các cơ quan dân cử, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - XH, các tổ chức XH, nghề nghiệp còn yếu.

## **III. LƯỢNG GIÁ**

1. Nhận thức mới về mô hình Công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay ở nước ta gồm những điểm chủ yếu nào?

2. Phân biệt kinh tế thị trường nói chung với kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa?
3. Giải thích năm quan điểm chỉ đạo nhiệm vụ thể chế hóa nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từ nay đến năm 2010?
4. Phân tích kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân của việc thực hiện nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa?

## **Chương IV: ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA, GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **MỤC TIÊU:**

#### **1. Về kiến thức:**

- Giúp người học có thêm tư liệu để hiểu được nội dung đường lối xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới và đường lối phát triển nền văn hóa, giải quyết các vấn đề xã hội.

- Cung cấp cho người học một hệ thống các vấn đề cụ thể, bức xúc đang đặt ra trong lĩnh vực văn hóa, xã hội ở Việt Nam để họ hiểu hơn về đường lối xây dựng, phát triển văn hóa và các vấn đề xã hội hiện nay.

#### **2. Về kỹ năng:**

- Với những kết quả đạt được, đã khẳng định đường lối đổi mới hệ thống chính trị là đúng đắn, sáng tạo, phù hợp thực tiễn, bước đầu đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, khắc phục dần những khuyết, nhược điểm của hệ thống chuyên chính vô sản trước đây. Đồng thời đã góp phần làm nên thành tựu to lớn và có ý nghĩa lịch sử của công cuộc đổi mới đất nước.

- Giúp sinh viên thấy được qua 25 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển xã hội đã được nhiều thành tựu. Tính năng động xã hội khác hẳn thời bao cấp. Một xã hội mở đang dần hình thành với những con người dám nghĩ dám chịu trách nhiệm, biết cạnh tranh, hành động vì cộng đồng, vì tổ quốc.

### **I. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

#### **1. Đổi mới tư duy về hệ thống chính trị (*Hướng dẫn sinh viên thảo luận*)**

- Nhận thức về mối quan hệ giữa đổi mới kinh tế và đổi mới hệ

thống chính trị

+ Đảng ta khẳng định đổi mới là một quá trình, bắt đầu từ đổi mới kinh tế => đổi mới tư duy kinh tế => đổi mới hệ thống chính trị

+ Đổi mới hệ thống chính trị là đáp ứng yêu cầu chuyển từ kinh tế tập trung quan liêu bao cấp => Kinh tế thị trường định hướng Xã hội chủ nghĩa.

- Nhận thức mới về đấu tranh giai cấp và động lực chủ yếu phát triển đất nước trong giai đoạn mới.

Đại hội IX khẳng định:

+ Mục tiêu: Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

+ Thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển, thực hiện công bằng xã hội chống áp bức bất công, đấu tranh ngăn chặn, khắc phục tư tưởng hành động tiêu cực sai trái, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu chống phá của các thế lực thù địch, bảo vệ độc lập dân tộc xây dựng nước Việt Nam trở thành một nước Xã hội chủ nghĩa phồn thịnh, nhân dân hạnh phúc.

+ Động lực xây dựng đất nước là đoàn kết Công- nông- trí thức => do Đảng lãnh đạo.

- Nhận thức mới về xây dựng nhà nước pháp quyền trong hệ thống chính trị.

+ Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền lần đầu tiên được đề cập tại Hội nghị Trung ương khóa VII(1991) và Hội nghị đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khóa VII(1991), Đại hội VIII, Đại hội IX, Đại hội X, tiếp tục khẳng định nhiệm vụ xây dựng nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa.

+ Nhà nước quản lý bằng hiến pháp và pháp luật.

**2. Mục tiêu, quan điểm và chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới**

## ***2.1. Mục tiêu và quan điểm xây dựng hệ thống chính trị***

- *Mục tiêu:*

+ Nhằm thực hiện tốt hơn dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy đầy đủ quyền làm chủ của nhân dân.

+ Toàn bộ tổ chức và hoạt động của bộ máy chính trị ở nước ta trong giai đoạn mới là nhằm xây dựng và hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đảm bảo mọi quyền lực thuộc về nhân dân.

- *Quan điểm:*

+ Đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị phải kết hợp ngay từ đầu, nhưng phải lấy đổi mới kinh tế làm trọng tâm, từng bước đổi mới chính trị.

+ Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của hệ thống chính trị là không phải hạ thấp hoặc thay đổi bản chất của nó mà là nhằm tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng, hiệu quả quản lý nhà nước, quyền làm chủ của nhân dân.

+ Đổi mới hệ thống chính trị là phải đổi mới một cách toàn diện, đồng bộ nhưng có sự kế thừa trong từng bước đi cách làm cho phù hợp với thực tế.

+ Đổi mới mối quan hệ giữa các bộ phận cấu thành của hệ thống chính trị với nhau và với xã hội.

## ***2.2. Chủ trương xây dựng hệ thống chính trị***

- *Xây dựng Đảng trong hệ thống chính trị*

+ Trước đại hội X, Đảng ta xác định: Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc.

+ Đến đại hội X đã bổ sung một số nội dung quan trọng: “Đảng Cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân, đồng thời là đội tiên phong của nhân dân lao động và của cả dân tộc Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc”.

+ Về *phương thức lãnh đạo* cương lĩnh năm 1991 xác định “Đảng lãnh đạo xã hội bằng cương lĩnh, chiến lược các định hướng về chính sách và chủ trương công tác, bằng công tác tuyên truyền thuyết phục, vận động tổ chức kiểm tra và bằng hành động gương mẫu của Đảng viên. Đảng giới thiệu những đảng viên ưu tú có đủ năng lực và phẩm chất vào hoạt động trong các cơ quan, lãnh đạo chính quyền và đoàn thể, Đảng không làm thay công việc của các tổ chức khác trong hệ thống chính trị”.

+ Về *vị trí, vai trò* của Đảng trong hệ thống chính trị cương lĩnh năm 1991 xác định: “Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị, đồng thời là một bộ phận của hệ thống ấy. Đảng liên hệ mật thiết với nhân dân, chịu sự giám sát của nhân dân, hành động trong khuôn khổ hiến pháp và pháp luật”

+ Trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị là đổi mới tổ chức và phương thức lãnh đạo của các bộ phận cấu thành hệ thống

+ Đổi mới phải được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới và chỉnh đốn Đảng, tiến hành đồng bộ với đổi mới các mặt của công cuộc xây dựng Đảng, với đổi mới tổ chức và hoạt động của cả hệ thống chính trị, nâng cao đội ngũ cán bộ công chức viên chức, đồng bộ với đổi mới kinh tế, xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa thích ứng vì những đòi hỏi của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại và hội nhập kinh tế quốc tế của đất nước

+ Đổi mới phải trên cơ sở kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đảng, thực hiện đúng nguyên tắc tập trung dân chủ, thực hiện dân chủ rộng rãi trong Đảng và trong xã hội, đẩy nhanh phân cấp, tăng cường trách nhiệm chế độ cá nhân, nhất là cá nhân người đứng đầu

+ Đây là công việc hệ trọng, đòi hỏi chủ động tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cần thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm, vừa tổng kết, vừa rút kinh nghiệm

+ Đổi mới ở mỗi cấp, mỗi ngành vừa phải quán triệt nguyên tắc chung, vừa phải phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng cấp từng ngành.

- *Xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa:*

Chủ trương xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là sự khẳng định và thừa nhận nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử. Nó không phải là sản phẩm riêng có của xã hội tư bản mà là tinh hoa, sản phẩm trí tuệ của xã hội loài người

\* Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xây dựng theo 5 đặc trưng:

+ Nhà nước của dân, do dân và vì dân, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân

+ Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp

+ Nhà nước được tổ chức và hoạt động, trên cơ sở hiến pháp, pháp luật và đảm bảo cho hiến pháp và các đạo luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ thuộc tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội

+ Nhà nước tôn trọng và đảm bảo quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lý giữa nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, đồng thời tăng cường kỷ cương, kỷ luật

+ Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam do một Đảng duy nhất lãnh đạo, có sự giám sát của nhân dân, sự phản biện xã hội của mặt trận tổ quốc Việt Nam và tổ chức thanh viên của mặt trận

\* Xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa cần phải thực hiện tốt một số biện pháp sau:

+ Hoàn thiện hệ thống pháp luật, tăng tính cụ thể, khả thi của các quy định trong các văn bản pháp luật.

+ Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của quốc hội

+ Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới tổ chức và hoạt

động của chính phủ theo hướng xây dựng cơ quan hành pháp thống nhất, thông suốt, hiện đại.

+ Xây dựng hệ thống cơ quan tư pháp trong sạch, vững mạnh dân chủ, nghiêm minh bảo vệ công lý, quyền con người.

+ Nâng cao chất lượng hoạt động của hội đồng nhân dân, ủy ban nhân dân đảm bảo quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của chính quyền địa phương trong phạm vi được phân cấp.

- *Xây dựng Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội trong hệ thống chính trị (Hướng dẫn sinh viên thảo luận)*

+ Mặt trận tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội có vai trò rất quan trọng trong việc tập hợp vận động, đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân, đại diện cho quyền và lợi ích hợp pháp của nhân dân, đề xuất các chương trình chính sách về kinh tế văn hóa, xã hội, an ninh quốc phòng.

+ Nhà nước ban hành cơ chế để mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội thực hiện tốt vai trò giám sát và phản biện xã hội.

+ Thực hiện tốt luật mặt trận tổ quốc Việt Nam, luật thanh niên, luật công đoàn.

+ Đổi mới hoạt động của mặt trận tổ quốc, các tổ chức chính trị xã hội, khắc phục tình trạng hành chính hóa, nhà nước hóa, phô trương, hình thức, làm tốt công tác dân vận.

### **3. Đánh giá sự thực hiện đường lối (Hướng dẫn sinh viên tự học)**

Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở nước ta đã có nhiều đổi mới góp phần xây dựng và từng bước hoàn thiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm quyền lực thuộc về nhân dân.

- Nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan Nhà nước được phân định rõ hơn, phân biệt quản lý nhà nước với quản lý sản xuất kinh doanh.

- Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội đã có nhiều đổi mới về tổ chức, bộ máy; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, đa dạng hoá các hình thức để tập hợp ngày càng đông đảo các tầng lớp nhân dân;



- Đảng đã thường xuyên coi trọng việc đổi mới và tự chỉnh đốn, giữ vững và nâng cao vai trò lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta trong điều kiện mới trong Đảng được phát huy, quan hệ mật thiết giữa Đảng với nhân dân được củng cố.

- Tóm lại, hơn 20 năm qua, hệ thống chính trị đã thực hiện có kết quả một số đổi mới quan trọng, đặc biệt là quyền làm chủ của nhân dân trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội, chính trị, tư tưởng, văn hoá được phát huy.

- Các kết quả đạt được đã khẳng định đường lối đổi mới nói chung, đường lối đổi mới hệ thống chính trị nói riêng là đúng đắn sáng tạo, phù hợp thực tiễn, bước đầu đáp ứng yêu cầu của tình hình mới, khắc phục dần những khuyết, nhược điểm của hệ thống chuyên chính vô sản trước đây.

- Tuy nhiên trong thực tế vận hành hệ thống chính trị nước ta còn nhiều nhược điểm. Năng lực và hiệu quả lãnh đạo của Đảng, hiệu lực quản lý, điều hành của Nhà nước, hiệu quả hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chưa ngang tầm với đòi hỏi của tình hình nhiệm vụ mới.

- Việc cải cách nền hành chính quốc gia còn rất hạn chế.

- Phương thức tổ chức, phong cách hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội vẫn chưa thoát khỏi tình trạng hành chính, xơ cứng; một số cán bộ bị “viên chức hoá”, chưa thật gần bó với quần chúng. Nạn tham nhũng trong hệ thống chính trị còn trầm trọng, bệnh cục bộ, bản vị, địa phương còn khá phổ biến. Quyền làm chủ của nhân dân còn bị vi phạm.

- Vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội còn yếu, chưa có cơ chế thật hợp lý để phát huy vai trò này.

- Phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị còn chậm đổi mới, có mặt lúng túng.

- Những hạn chế nêu trên xuất phát từ nguyên nhân chủ yếu là, nhận thức về đổi mới hệ thống chính trị chưa có sự thống nhất cao, trong hoạch định và thực hiện một số chủ trương, giải pháp còn có sự ngập ngừng, lung túng, thiếu dứt khoát, không triệt để.

- Việc đổi mới hệ thống chính trị chưa được quan tâm đúng mức, còn chậm trễ so với đổi mới kinh tế.

- Lý luận về hệ thống chính trị và về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta còn nhiều điểm chưa sáng tỏ.

## **II. ĐƯỜNG LỐI XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN NỀN VĂN HÓA; GIẢI QUYẾT CÁC VẤN ĐỀ XÃ HỘI**

### **1. Quá trình nhận thức và nội dung xây dựng, phát triển văn hóa:**

#### ***1.1. Quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển văn hóa (Hướng dẫn sinh viên thảo luận)***

**Nội dung cần làm rõ:** Làm rõ quá trình đổi mới tư duy về xây dựng và phát triển văn hóa từ Đại hội VI đến Đại hội X?

#### **Giải thích:**

- Từ Đại hội VI đến Đại hội X Đảng ta đã hình thành từng bước nhận thức mới về đặc trưng của nền văn hóa mới mà chúng ta cần xây dựng

- Đại hội VI (1986) xác định khoa học kỹ thuật là một động lực to lớn đẩy mạnh quá trình phát triển kinh – xã hội, có vị trí then chốt trong việc xây dựng chủ nghĩa xã hội

- Cương lĩnh năm 1991(được Đại hội VII thông qua) lần đầu tiên đưa ra quan niệm nền văn hóa Việt Nam có đặc trưng: tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc thay cho quan niệm có nội dung Xã hội chủ nghĩa có tính chất dân tộc, có tính Đảng và có tính nhân dân được nêu ra trước đây

- Đại hội VII, VIII, IX, X và nhiều nghị quyết trung ương tiếp theo đã xác định: Văn hóa là nền tảng của xã hội và coi văn hóa vừa là mục tiêu vừa là động lực của phát triển.

## **1.2. Quan điểm chỉ đạo về xây dựng và phát triển nền văn hóa**

\* Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội, vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội.

Văn hóa có mối quan hệ thống nhất biện chứng với kinh tế, chính trị; xây dựng và phát triển kinh tế phải nhằm mục đích cuối cùng là văn hóa. Trong mỗi chính sách kinh tế - xã hội luôn bao hàm nội dung và mục tiêu văn hóa. Văn hóa có khả năng khơi dậy tiềm năng sáng tạo của con người.

*Văn hóa là nền tảng tinh thần của xã hội:*

Các giá trị truyền thống tạo thành nền tảng tinh thần của xã hội vì nó được thấm nhuần trong mỗi con người và trong cả cộng đồng, được truyền lại, tiếp nối và phát huy qua các thế hệ, được vật chất hóa và khẳng định vững chắc trong cấu trúc xã hội của từng dân tộc; đồng thời, nó tác động hàng ngày đến cuộc sống, tư tưởng, tình cảm của mọi thành viên xã hội bằng môi trường xã hội - văn hóa. Tóm lại, văn hóa là sợi chỉ đỏ xuyên suốt trong toàn bộ lịch sử của dân tộc, nó làm nên sức sống mãnh liệt, giúp cộng đồng dân tộc vượt qua mọi khó khăn để phát triển.

*Văn hóa là động lực thúc đẩy sự phát triển:*

Sự phát triển của một dân tộc phải vươn tới cái mới, tiếp nhận cái mới, tạo ra cái mới, nhưng lại không thể tách rời cội nguồn. Phát triển phải dựa trên cội nguồn bằng cách phát huy cội nguồn. Cội nguồn đó của mỗi quốc gia dân tộc là văn hóa.

Động lực của sự phát triển kinh tế một phần quan trọng nằm trong những giá trị văn hóa đang được phát huy (hàm lượng văn hóa trong các lĩnh vực của đời sống con người càng cao bao nhiêu thì khả năng phát triển KT - XH càng hiện thực và bền vững bấy nhiêu).

Trong nền kinh tế thị trường, một mặt, văn hóa dựa vào tiêu chuẩn của cái đúng, cái tốt, cái đẹp để hướng dẫn và thúc đẩy người lao động phát huy sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, nâng cao tay nghề,... mặt khác, văn

hóa sử dụng sức mạnh của các giá trị truyền thống, của đạo lý dân tộc để hạn chế xu hướng sùng bái lợi ích vật chất, sùng bái tiền tệ,...

Nền văn hóa Việt Nam đương đại với những giá trị mới sẽ là tiền đề quan trọng đưa nước ta hội nhập ngày càng sâu hơn, toàn diện hơn vào nền kinh tế thế giới.

Trong vấn đề bảo vệ môi trường vì sự phát triển bền vững, văn hóa giúp hạn chế lối sống chạy theo ham muốn quá mức của “xã hội tiêu thụ”, dẫn đến chỗ làm cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm môi trường sinh thái.

Văn hóa cổ vũ và hướng dẫn cho một lối sống có chừng mực, hài hòa, nó đưa ra mô hình ứng xử thân thiện giữa con người với thiên nhiên vì sự phát triển bền vững của hiện tại và tương lai.

*Văn hóa là một mục tiêu của phát triển:*

Mục tiêu xây dựng một xã hội Việt Nam “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh” chính là mục tiêu văn hóa.

Trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2011-2020, Đảng ta xác định: “hát huy tối đa nhân tố con người; coi con người là chủ thể, nguồn lực chủ yếu và mục tiêu của sự hát triển”. Đồng thời nêu rõ yêu cầu: “Tăng trưởng kinh tế phải kết hợp hài hòa với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, không ngừng nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân”. Phát triển hướng tới mục tiêu văn hóa - xã hội mới bảo đảm phát triển bền vững, trường tồn.

Để làm cho văn hóa trở thành động lực và mục tiêu của sự phát triển, chúng ta chủ trương phát triển văn hóa phải gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với phát triển kinh tế - xã hội.

*Văn hóa có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bồi dưỡng, phát huy nhân tố con người và xây dựng xã hội mới:*

Việc phát triển kinh tế - xã hội cần đến nhiều nguồn lực, trong đó, tri thức của con người là nguồn lực vô hạn, có khả năng tái sinh và tự sinh, không bao giờ cạn kiệt. Các nguồn lực khác sẽ không

được sử dụng có hiệu quả nếu không có những con người đủ trí tuệ và năng lực khai thác chúng.

\* Nền văn hóa ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc.

+ *Tiên tiến* là yêu nước và tiến bộ mà cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và Chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mac-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, tiên tiến cả về nội dung và hình thức.

+ *Bản sắc dân tộc* là những giá trị văn hóa truyền thống được vun đắp qua mấy ngàn năm dựng nước và giữ nước.

+ Để xây dựng nền văn hóa tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc thì chúng ta phải chủ trương vừa bảo vệ bản sắc dân tộc vừa mở rộng giao lưu, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại.

+ Phải chống lại những cái lạc hậu lỗi thời, tập quan, thói cũ.

\* Nền văn hóa Việt Nam là văn hóa thống nhất mà đa dạng trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam .

Nét đặc trưng nổi bật của văn hóa Việt Nam là sự thống nhất mà đa dạng, là sự hòa quyện bình đẳng, sự phát triển độc lập của văn hóa các dân tộc sống trên cùng lãnh thổ Việt Nam. Mỗi thành phần dân tộc có truyền thống và bản sắc của mình, cả cộng đồng dân tộc Việt Nam có nền văn hóa chung nhất. Sự thống nhất bao hàm cả tính đa dạng - đa dạng trong sự thống nhất. Không có sự đồng hóa hoặc thôn tính, kỳ thị bản sắc văn hóa của các dân tộc.

\* Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân do Đảng lãnh đạo, trong đó độ ngũ trí thức giữ vai trò quan trọng.

Mọi người Việt Nam phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh đều tham gia sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà. Xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp chung của toàn dân. Giai cấp công nhân, nông dân, trí thức là lực lượng chủ lực, nòng cốt trong xây dựng và phát triển văn hóa. Độ ngũ trí thức, văn nghệ sĩ gắn bó với nhân dân lao động, được Đảng,

Nhà nước và nhân dân tôn trọng, tạo điều kiện phát huy tài năng phục vụ nhân dân, cống hiến cho sự nghiệp phát triển của nền văn hóa dân tộc. Sự nghiệp xây dựng và phát triển nền văn hóa nước nhà do Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý.

Để xây dựng đội ngũ trí thức, Đảng ta khẳng định: *Giáo dục - đào tạo cùng với khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu.*

Hội nghị Trung ương 2 khóa VIII (12/1996) khẳng định: cùng với giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ được coi là quốc sách hàng đầu, là động lực phát triển kinh tế - xã hội, là điều kiện cần thiết để giữ vững độc lập dân tộc và xây dựng thành công CNXH.

Khoa học và công nghệ là nội dung then chốt trong mọi hoạt động của tất cả các ngành, các cấp, là nhân tố chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, củng cố quốc phòng và an ninh, là nền tảng và là động lực cho sự nghiệp CNH, HĐH đất nước.

Phát triển giáo dục - đào tạo, khoa học và công nghệ là sự nghiệp cách mạng của toàn dân.

\* Văn hóa là một mặt trận, xây dựng và phát triển văn hóa là sự nghiệp cách mạng lâu dài đòi hỏi phải có ý chí cách mạng và sự kiên trì thận trọng.

+ Bảo tồn phát huy di sản văn hóa tốt đẹp của dân tộc, sáng tạo nên những giá trị văn hóa mới làm cho những giá trị văn hóa đó thấm sâu vào đời sống toàn xã hội.

+ Kết hợp xây với chống, trong đó xây làm chính.

### **1.3. Đánh giá việc thực hiện đường lối (Hướng dẫn sinh viên tự học)**

\* *Thành tựu*

- Trong những năm qua cơ sở vật chất kỹ thuật của nền văn hóa bước đầu được tạo dựng.

- Giáo dục đào tạo có bước phát triển mới.

- Khoa học và công nghệ có bước phát triển phục vụ thiết thực hơn nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội.

- Văn hóa phát triển, việc xây dựng đời sống văn hóa và nếp sống văn minh có tiến bộ ở tất cả các tỉnh thành trong cả nước.

- Những thành tựu trong sự nghiệp xây dựng văn hóa chứng tỏ đường lối và chính sách văn hóa của Đảng và Nhà nước ta đang phát huy được tác dụng tích cực.

*\* Hạn chế và nguyên nhân:*

- So với yêu cầu của thời kỳ đổi mới thì những thành tựu của văn hóa chưa tương xứng, chưa vững chắc, chưa đủ để tác động hiệu quả đối với các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Phát triển văn hóa chưa tương xứng và đồng bộ với tăng trưởng kinh tế.

- Việc xây dựng thể chế văn hóa còn chậm, thiếu tính đồng bộ làm hạn chế tác dụng của văn hóa đối với các lĩnh vực quan trọng của đời sống xã hội.

- Tình trạng nghèo nàn lạc hậu, thiếu thốn về đời sống văn hóa, tinh thần ở nhiều vùng nông thôn vùng sâu, vùng xa...

*Nguyên nhân chủ quan:*

- Các quan điểm chỉ đạo về văn hóa chưa được quán triệt đầy đủ và chưa được thực hiện nghiêm túc.

- Bệnh chủ quan duy ý chí trong quản lý kinh tế xã hội tác động tiêu cực đến việc triển khai đường lối phát triển văn hóa.

- Chưa xây dựng được cơ chế chính sách và giải pháp phù hợp để phát triển văn hóa trong cơ chế thị trường.

- Mỗi bộ phận người hoạt động trên lĩnh vực văn hóa có biểu hiện xa rời đời sống, chạy theo chủ nghĩa thực dụng, thị hiếu thấp kém.

## **2. Quá trình nhận thức và chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội**

### **2.1. Quá trình đổi mới nhận thức về giải quyết các vấn đề xã hội**

- Đại hội VI Lần đầu tiên Đảng ta nâng các vấn đề xã hội lên tầm chính sách xã hội đặt tầm quan trọng của chính sách xã hội có

ảnh hưởng tới chính sách kinh tế và chính sách ở các lĩnh vực khác.

- Mục tiêu của chính sách xã hội thống nhất với mục tiêu phát triển kinh tế nhằm phát huy sức mạnh nhân tố con người.

- Đại hội VIII của Đảng đưa ra chủ trương hệ thống chính sách xã hội phải được hoạch định theo những quan điểm:

+ Tăng trưởng kinh tế phải gắn với tiến bộ công bằng xã hội (ngay trong từng bước đi và trong suốt quá trình phát triển).

+ Thực hiện nhiều hình thức phân phối.

+ Khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xóa đói giảm nghèo.

+ Các vấn đề xã hội phải giải quyết theo tinh thần xã hội hóa

- Đại hội IX của Đảng chủ trương các vấn đề chính sách xã hội phải hướng vào phát triển và làm lành mạnh hóa xã hội, thực hiện công bằng trong phân phối, tạo động lực mạnh mẽ phát triển sản xuất, tăng năng suất lao động xã hội, thực hiện bình đẳng trong các quan hệ xã hội, khuyến khích nhân dân làm giàu hợp pháp.

- Đại hội X của Đảng chủ trương phải kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội trong phạm vi cả nước, ở từng lĩnh vực, ở từng địa phương.

## **2.2. Quan điểm về giải quyết các vấn đề xã hội**

*\* Kết hợp các mục tiêu kinh tế với các mục tiêu xã hội:*

- Kế hoạch phát triển kinh tế phải tính đến mục tiêu phải tính đến sự phát triển các lĩnh vực có liên quan trực tiếp.

- Mục tiêu phát triển kinh tế thì phải tính đến các tác động và hậu quả xã hội có thể xảy ra để chủ động xử lý.

- Phải tạo được sự đồng bộ, thống nhất giữa chính sách kinh tế và chính sách xã hội.

- Quán triệt mục tiêu này phải thực hiện ở các cấp, các ngành, các địa phương ở từng đơn vị kinh tế cơ sở.



*\* Xây dựng và hoàn thiện thể chế gắn kết tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội trong từng chính sách phát triển:*

- Chính phủ và các ban ngành, địa phương cần gắn kết giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ và công bằng xã hội .

- Thực hiện nhiệm vụ gắn kết là phải có tính cưỡng chế, bắt buộc các chủ thể phải thi hành.

- Các cơ quan các nhà hoạch định chính sách phát triển của quốc gia một cách bền vững, hài hòa không chạy theo số lượng tăng trưởng bằng mọi giá.

*\* Chính sách xã hội được thực hiện trên cơ sở phát triển kinh tế, gắn bó hữu cơ giữa quyền lợi và nghĩa vụ, giữa cống hiến và hưởng thụ:*

- Chính sách xã hội có vị trí vai trò độc lập tương đối so với chính sách kinh tế, nhưng không thể tách rời trình độ phát triển kinh tế cũng không thể dựa vào viện trợ như thời bao cấp.

- Trong chính sách xã hội phải gắn bó giữa quyền lợi và nghĩa vụ, cống hiến và hưởng thụ.

*\* Coi trọng chỉ tiêu GDP bình quân đầu người gắn với chỉ tiêu phát triển con người (HDI) và chỉ tiêu phát triển các lĩnh vực xã hội:*

- Thực hiện chính sách này mục tiêu cuối cùng là vì con người, vì một xã hội dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

- Phát triển phải bền vững không chạy theo số lượng tăng trưởng.

### **2.3. Chủ trương giải quyết các vấn đề xã hội**

*\* Khuyến khích mọi người dân làm giàu hợp pháp (theo pháp luật) thực hiện có hiệu quả mục tiêu xóa đói giảm nghèo.*

- Tạo cơ hội, điều kiện cho mọi người tiếp cận phát triển bình đẳng các nguồn lực.

- Tạo động lực làm giàu trong đông đảo dân cư bằng tài năng, sáng tạo của bản thân trong khuôn khổ của pháp luật và đạo đức cho phép

- Xây dựng và thực hiện có kết quả các chương trình xóa đói, giảm nghèo nâng cao dần chuẩn đói nghèo khi mức sống chung tăng lên.

*\* Bảo đảm cung ứng dịch vụ công thiết yếu, bình đẳng cho mọi người dân, tạo việc làm và thu nhập, chăm sóc sức khỏe cộng đồng:*

- Xây dựng hệ thống an sinh xã hội đa dạng, phát triển mạnh hệ thống bảo hiểm.

- Đa dạng hóa các loại hình cứu trợ xã hội tạo nhiều việc làm trong nước và đẩy mạnh xuất khẩu lao động.

- Thực hiện chính sách ưu đãi xã hội .

- Đổi mới chính sách tiền lương, phân phối thu nhập xã hội công bằng hợp lý.

*\* Phát triển hệ thống y tế công bằng và hiệu quả:*

- Hoàn thiện mạng lưới y tế từ trung ương đến địa phương.

- Quan tâm chăm sóc y tế tốt hơn đối với các đối tượng chính sách

- Phát triển các dịch vụ y tế công nghệ cao, các dịch vụ y tế ngoài công lập.

*\* Xây dựng chiến lược quốc gia về nâng cao sức khỏe và cải thiện giống nòi:*

- Chăm sóc sức khỏe sinh sản, giảm nhanh tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng.

- Đẩy nhanh công tác bảo vệ giống nòi chống các bệnh HIV và các tệ nạn xã hội khác.

*\* Thực hiện tốt các chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình:*

- Giảm tốc độ gia tăng dân số, đảm bảo quy mô và cơ cấu dân số hợp lý.

- Xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, văn hóa, chống bạo lực trong gia đình, bình đẳng giới.

*\* Chú trọng các chính sách ưu đãi xã hội.*

*\* Đổi mới cơ chế quản lý và phương thức cung ứng các dịch vụ công cộng.*

### 3. Đánh giá sự thực hiện đường lối (Hướng dẫn sinh viên tự học)

Sau 20 năm đổi mới chính sách xã hội, nhận thức về vấn đề phát triển xã hội của Đảng và nhân dân ta đã có những thay đổi quan trọng:

- Từ tâm lý thụ động, ỷ lại vào Nhà nước và tập thể, trông chờ viện trợ đã chuyển sang tính năng động, chủ động và tích cực xã hội của tất cả các tầng lớp dân cư.

- Từ chỗ đề cao quá mức lợi ích của tập thể một cách chung chung, trừu tượng đã từng bước chuyển sang thực hiện phân phối chủ yếu theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế và các hình thức phân phối khác. Nhờ vậy, công bằng xã hội được thể hiện ngày một rõ hơn.

- Đặt đúng tầm quan trọng của chính sách xã hội trong mối quan hệ tương tác với chính sách kinh tế đã đi đến thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội.

- Từ chỗ Nhà nước bao cấp toàn bộ trong việc giải quyết việc làm đã dần dần chuyển trọng tâm sang thiết lập cơ chế, chính sách để các thành phần kinh tế và người lao động đều tham gia tạo việc làm.

- Từ chỗ không chấp nhận có sự phân hoá giàu - nghèo đã đi đến khuyến khích mọi người làm giàu hợp pháp đi đôi với tích cực xoá đói giảm nghèo, coi việc có một bộ phận dân cư giàu trước là cần thiết cho sự phát triển.

- Từ chỗ muốn nhanh chóng xây dựng một cơ cấu xã hội "*thuần nhất*" chỉ còn có giai cấp công nhân, giai cấp nông dân tập thể và tầng lớp trí thức đã đi đến quan niệm cần thiết xây dựng một cộng đồng xã hội đa dạng, trong đó các giai cấp, các tầng lớp dân cư đều có nghĩa vụ, quyền lợi chính đáng, đoàn kết chặt chẽ, góp phần xây dựng nước Việt Nam giàu mạnh.

Qua hơn 20 năm đổi mới, lĩnh vực phát triển xã hội đã đạt nhiều thành tựu. Một xã hội mở đang dần dần hình thành với những con người, dám nghĩ dám chịu trách nhiệm, không chấp nhận đói nghèo, lạc hậu, biết làm giàu, biết cạnh tranh và hành động vì cộng

đồng, vì Tổ quốc. Cách thức quản lý xã hội dân chủ, cởi mở hơn, đề cao pháp luật hơn.

Bên cạnh giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức, đã xuất hiện ngày càng đông đảo các doanh nhân, tiểu chủ, chủ trang trại và các nhóm xã hội khác phấn đấu vì sự nghiệp "*dân giàu, nước mạnh*".

Đã coi phát triển giáo dục và đào tạo cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu để phát triển xã hội, tăng trưởng kinh tế nhanh và bền vững.

Hạn chế và nguyên nhân:

- Áp lực gia tăng dân số vẫn còn lớn. Chất lượng dân số còn thấp đang là cản trở lớn đối với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và hội nhập kinh tế quốc tế. Vấn đề việc làm rất bức xúc và nan giải.

- Sự phân hoá giàu - nghèo và bất công xã hội tiếp tục gia tăng đáng lo ngại.

- Tệ nạn xã hội gia tăng và diễn biến rất phức tạp, gây thiệt hại lớn về kinh tế và an sinh xã hội.

- Môi trường sinh thái bị ô nhiễm tiếp tục tăng thêm; tài nguyên bị khai thác bừa bãi và tàn phá.

- Hệ thống giáo dục, y tế lạc hậu, xuống cấp, có nhiều bất cập; an sinh xã hội chưa được bảo đảm.

Nguyên nhân chủ yếu của những hạn chế nêu trên là:

- Tăng trưởng kinh tế vẫn tách rời mục tiêu và chính sách xã hội, chạy theo số lượng ảnh hưởng tiêu cực đến sự phát triển bền vững xã hội.

- Quản lý xã hội còn nhiều bất cập, không theo kịp sự phát triển kinh tế - xã hội.

#### **IV. LƯỢNG GIÁ**

1. Hãy phân tích mục tiêu, quan điểm, chủ trương xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới?

2. Phân tích kết quả, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân của việc xây dựng hệ thống chính trị thời kỳ đổi mới?
3. Văn hóa là nền tảng tinh thần của dân tộc. Ý nghĩa của luận điểm này trong thời kỳ Việt Nam hội nhập kinh tế quốc tế?
4. Vai trò tích cực của chính sách xã hội trong ổn định xã hội; Phát triển kinh tế - xã hội; và an ninh quốc phòng?

## **Chương V: ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI**

### **MỤC TIÊU**

#### **1. Về kiến thức:**

- Giúp người học hiểu rõ chủ trương tích cực và chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của Đảng ta, những thành quả đã đạt được, những cơ hội và thách thức to lớn phải vượt qua.

- Thấy rõ nhu cầu hội nhập kinh tế quốc tế hiện nay.

- Hiểu rõ cơ hội và thách thức khi Việt Nam gia nhập WTO và những chủ trương, chính sách lớn chỉ đạo quá trình hội nhập, cũng như những vấn đề đặt ra khi hội nhập kinh tế, hội nhập văn hóa, tư duy toàn cầu, công dân toàn cầu.

#### **2. Về kỹ năng:**

Giúp sinh viên thấy được việc thực hiện chính sách đối ngoại đạt được những kết quả có ý nghĩa quan trọng; đã tranh thủ được các nguồn lực bên ngoài kết hợp với các nguồn lực trong nước hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế. Góp phần giữ vững độc lập, tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa; giữ vững an ninh quốc phòng và bản sắc văn hóa dân tộc; nâng cao vị thế và phát huy vai trò nước ta trên trường quốc tế.

### **I. ĐẠI CƯƠNG**

Sau cách mạng tháng Tám thành công, Đảng đã hoạch định đường lối đối ngoại, với các nội dung:

*Mục tiêu đối ngoại:* Đưa nước nhà đến sự độc lập hoàn toàn và vĩnh viễn.

*Nguyên tắc:* Tôn trọng lẫn nhau, đôi bên cùng có lợi không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau.

*Phương châm:* Độc lập, tự chủ, tự lực, tự cường.

### **I. ĐƯỜNG LỐI ĐỐI NGOẠI, HỘI NHẬP KINH TẾ QUỐC TẾ THỜI KỲ ĐỔI MỚI**

## 1. Hoàn cảnh lịch sử và quá trình hình thành đường lối

### 1.1. Hoàn cảnh lịch sử (*Hướng dẫn sinh viên thảo luận*)

*Tình hình thế giới từ giữa thập kỷ 80 thế kỷ XX:*

Từ giữa những năm 1980, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến mọi mặt đời sống của các quốc gia, dân tộc.

Đến đầu những năm 1990, chế độ xã hội chủ nghĩa ở Liên Xô sụp đổ, dẫn đến những biến đổi to lớn về quan hệ quốc tế.

Trên phạm vi thế giới, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột, tranh chấp vẫn còn, nhưng xu thế chung của thế giới là hoà bình và hợp tác phát triển.

Các quốc gia, các tổ chức và lực lượng chính trị quốc tế thực hiện điều chỉnh chiến lược đối nội, đối ngoại và phương thức hành động cho phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ bên trong và đặc điểm của thế giới.

Xu thế chạy đua phát triển kinh tế khiến các nước, nhất là những nước đang phát triển đã đổi mới tư duy đối ngoại.

*Xu thế toàn cầu hoá và tác động của nó:*

Toàn cầu hoá là quá trình lực lượng sản xuất và quan hệ kinh tế quốc tế phát triển vượt qua các rào cản bởi biên giới quốc gia và khu vực, lan toả ra phạm vi toàn cầu, trong đó hàng hoá, vốn, tiền tệ, thông tin, lao động... vận động thông thoáng; sự phân công lao động mang tính quốc tế; quan hệ kinh tế giữa các quốc gia, khu vực đan xen nhau, hình thành mạng lưới quan hệ đa chiều.

*Những tác động tích cực của toàn cầu hoá:* Trên cơ sở thị trường được mở rộng, trao đổi hàng hoá tăng mạnh đã thúc đẩy phát triển sản xuất của các nước; nguồn vốn, khoa học công nghệ, kinh nghiệm quản lý cùng các hình thức đầu tư, hợp tác mang lại lợi ích cho các bên tham gia hợp tác.

*Những tác động tiêu cực của toàn cầu hoá:* Xuất phát từ việc

các nước công nghiệp phát triển thao túng, chi phối quá trình toàn cầu hoá tạo nên sự bất bình đẳng trong quan hệ quốc tế và làm gia tăng sự phân cực giữa các nước giàu và nghèo.

Đại hội lần thứ IX của Đảng (4/2001) chỉ rõ: “Toàn cầu hoá kinh tế là một xu thế khách quan, lôi cuốn ngày càng nhiều nước tham gia; xu thế này đang bị một số nước phát triển và các tập đoàn tư bản xuyên quốc gia chi phối, chứa đựng nhiều mâu thuẫn, vừa có mặt tích cực, vừa có mặt tiêu cực, vừa có hợp tác, vừa có đấu tranh”.

*Tình hình khu vực châu Á - Thái Bình Dương*, từ những năm 1990, có nhiều chuyển biến mới: Vẫn tồn tại những bất ổn, như vấn đề hạt nhân, vấn đề tranh chấp lãnh hải thuộc vùng biển Đông và việc một số nước trong khu vực tăng cường vũ trang, nhưng châu Á - Thái Bình Dương vẫn được đánh giá là khu vực ổn định; có tiềm lực lớn và năng động về phát triển kinh tế.

Xu thế hoà bình và hợp tác trong khu vực phát triển mạnh.

*Yêu cầu nhiệm vụ của cách mạng Việt Nam*: Sự bao vây, chống phá của các thế lực thù địch đối với Việt Nam từ nửa cuối thập kỷ 1970 của thế kỷ XX tạo nên tình trạng căng thẳng, mất ổn định trong khu vực và gây khó khăn. Mặt khác, do hậu quả nặng nề của chiến tranh và các khuyết điểm chủ quan, nền kinh tế Việt Nam lâm vào khủng hoảng nghiêm trọng. Vì vậy, nhu cầu chống tụt hậu về kinh tế đặt ra gay gắt.

Để thu hẹp khoảng cách phát triển giữa nước ta với các quốc gia khác, ngoài việc phát huy tối đa các nguồn lực trong nước, cần phải tranh thủ các nguồn lực bên ngoài,

### ***1.2. Các giai đoạn hình thành, phát triển đường lối***

*Giai đoạn 1986-1996*: Xác lập đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.

+ Đại hội VI của Đảng (12/1986 nhận định: “Xu thế mở rộng phân công, hợp tác giữa các nước, kể cả các nước có chế độ kinh tế –



xã hội khác nhau cũng là những điều kiện rất quan trọng đối với công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta”. Từ đó Đảng chủ trương phải biết kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại trong điều kiện mới

+ Triển khai chủ trương của Đảng, tháng 12-1987, luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được ban hành.

+ Tháng 5-1988, Bộ chính trị ra nghị quyết số 13 về nhiệm vụ và chính sách đối ngoại trong tình hình mới, khẳng định mục tiêu chiến lược và lợi ích cao nhất của Đảng và nhân dân ta là phải củng cố và giữ vững hoà bình để tập trung sức xây dựng và phát triển kinh tế.

Nghị quyết số 13 của Bộ chính trị đánh dấu sự đổi mới tư duy quan hệ quốc tế và chuyển hướng toàn bộ chiến lược đối ngoại của Đảng ta.

Trên lĩnh vực kinh tế đối ngoại, từ năm 1989, Đảng chủ trương xoá bỏ tình trạng độc quyền trong sản xuất và kinh doanh xuất nhập khẩu.

+ Đại hội VII của Đảng (6/1991) đề ra chủ trương “hợp tác bình đẳng và cùng có lợi với tất cả các nước, không phân biệt chế độ chính trị – xã hội khác nhau, trên cơ sở các nguyên tắc cùng tồn tại hoà bình”, với phương châm “Việt Nam muốn làm bạn với tất cả các nước trong cộng đồng thế giới, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”.

Đại hội VII đã đổi mới chính sách đối ngoại với các đối tác cụ thể

Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội được Đại hội lần thứ VII của Đảng thông qua, đã xác định quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới là một trong những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân ta xây dựng.

+ Các Hội nghị Trung ương (khoá VII) tiếp tục cụ thể hoá quan điểm của Đại hội VII về lĩnh vực đối ngoại. Trong đó, Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương khoá VII (tháng 6-1992) nhấn

mạnh yêu cầu đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế

+ Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII (1/1994) chủ trương triển khai mạnh mẽ và đồng bộ đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, mở rộng, đa dạng hoá và đa phương hoá quan hệ đối ngoại.

Như vậy quan điểm chủ trương đối ngoại rộng mở được đề ra từ Đại hội lần thứ VI, sau đó được các nghị quyết trung ương từ khoá VI đến khoá VII phát triển đã hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế.

*Giai đoạn 1996-2008:* Bổ sung và phát triển đường lối đối ngoại theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đại hội lần thứ VIII của Đảng (6/1996) khẳng định tiếp tục mở rộng quan hệ quốc tế, hợp tác nhiều mặt với các nước, các trung tâm kinh tế, chính trị khu vực và quốc tế. Đồng thời chủ trương “xây dựng nền kinh tế mở” và “đẩy nhanh quá trình hội nhập kinh tế khu vực và thế giới”.

+ Đại hội VIII xác định rõ hơn quan điểm đối ngoại với các nhóm đối tác.

+ So với Đại hội VII, chủ trương đối ngoại của Đại hội VIII có nhiều điểm mới.

Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương, khoá VIII (tháng 12-1997), chỉ rõ: Trên cơ sở phát huy nội lực, thực hiện nhất quán, lâu dài chính sách thu hút các nguồn lực bên ngoài. Nghị quyết đề ra chủ trương tiến hành khẩn trương, vững chắc việc đàm phán Hiệp định Thương mại với Mỹ, gia nhập APEC và WTO.

+ Đại hội IX của Đảng (4/2001), Đảng nhấn mạnh chủ trương chủ động hội nhập kinh tế quốc tế và khu vực theo tinh thần phát huy tối đa nội lực. Đảng nêu rõ quan điểm về xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ”.

Cảm nhận đầy đủ “lực” và “thế” của đất nước sau 15 năm đổi mới, Đại hội IX đã phát triển phương châm của Đại Hội VII là: “Việt

Nam muốn làm bạn với các nước trong cộng đồng thế giới phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển” thành “Việt Nam sẵn sàng là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, phấn đấu vì hoà bình, độc lập và phát triển”.

Chủ trương xây dựng quan hệ đối tác được đề ra ở Đại hội IX đánh dấu bước phát triển về chất tiến trình quan hệ quốc tế của Việt Nam thời kỳ đổi mới.

Tháng 11-2001, Bộ Chính trị ra Nghị quyết 07 về hội nhập kinh tế quốc tế. Nghị quyết đề ra 9 nhiệm vụ cụ thể và 6 biện pháp tổ chức thực hiện quá trình hội nhập kinh tế quốc tế. Hội nghị lần thứ chín Ban Chấp hành Trung ương khoá IX (ngày 5-1-2004) nhấn mạnh yêu cầu chuẩn bị tốt các điều kiện trong nước để sớm ra nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO); kiên quyết đấu tranh với mọi biểu hiện của các lợi ích cục bộ làm kìm hãm tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

+ Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X (tháng 4-2006) nêu quan điểm: Thực hiện nhất quán đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế. Đồng thời đề ra chủ trương “chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế”.

Như vậy, đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, rộng mở, đa dạng hoá, đa phương hoá quan hệ quốc tế được xác lập trong mười năm đầu của thời kỳ đổi mới (1986-1996), đến Đại hội X (năm 2006) được bổ sung, phát triển theo phương châm chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế, hình thành đường lối đối ngoại độc lập tự chủ, hoà bình, hợp tác và phát triển; chính sách đối ngoại rộng mở, đa phương hoá, đa dạng hoá các quan hệ quốc tế.

## **2. Nội dung đường lối đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế**

### **2.1. Mục tiêu, nhiệm vụ và tư tưởng chỉ đạo**

#### **\* Cơ hội và thách thức**

**- Cơ hội:**

+ Xu thế hòa bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu kinh tế tạo điều kiện cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại.

+ Xu thế hòa bình, hợp tác phát triển và xu thế toàn cầu kinh tế tạo điều kiện cho nước ta mở rộng quan hệ đối ngoại.

+ Thắng lợi của sự nghiệp đổi mới đã nâng cao thế và lực của ta trên trường quốc tế.

- **Thách thức:** Những vấn đề toàn cầu như phân hóa giàu nghèo, dịch bệnh, tội phạm xuyên quốc gia, nền kinh tế phải chịu sức ép cạnh tranh các thế lực luôn tìm cách chống phá chế độ.

**\* Mục tiêu, nhiệm vụ đối ngoại**

- Lấy việc giữ vững môi trường hòa bình, ổn định tạo điều kiện quốc tế thuận lợi để mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế đẩy mạnh phát triển kinh tế xã hội.

- Tư tưởng chỉ đạo:

> Đảm bảo lợi ích dân tộc chân chính là xây dựng thành công và bảo vệ vững chắc tổ quốc xã hội chủ nghĩa, thực hiện nghĩa vụ quốc tế theo khả năng.

> Hợp tác và đấu tranh.

> Mở rộng quan hệ quốc tế với mọi quốc gia.

> Kết hợp đối ngoại của Đảng, ngoại giao nhà nước và đối ngoại nhân dân.

> Giữ vững ổn định về kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội.

> Phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng, quản lý của nhà nước, làm chủ của nhân dân

**2.2. Một số chủ trương, chính sách lớn về mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế.**

- Đưa các quan hệ đã được thiết lập vào chiều sâu, ổn định, bền vững.

- Chủ động và tích cực hội nhập kinh tế quốc tế theo lộ trình phù hợp.

- Bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật và thể chế kinh tế phù hợp với các nguyên tắc, quy định của WTO.

- Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy nhà nước.

- Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia, doanh nghiệp và sản phẩm trong hội nhập kinh tế quốc tế.

- Giải quyết tốt các vấn đề văn hóa, xã hội và môi trường trong quá trình hội nhập.

- Giữ vững và tăng cường quốc phòng, an ninh trong quá trình hội nhập.

- Phối hợp chặt chẽ hoạt động đối ngoại của Đảng, ngoại giao Nhà nước và đối ngoại nhân dân; chính trị đối ngoại và kinh tế đối ngoại.

- Đổi mới và tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước đối với các hoạt động đối ngoại.

### **3. Thành tựu, ý nghĩa, hạn chế và nguyên nhân (hướng dẫn sinh viên tự học)**

#### **3.1. Thành tựu và ý nghĩa**

##### **- Thành tựu:**

+ Phá thế bị bao vây, cấm vận của các thế lực thù địch, tạo dựng môi trường quốc tế thuận lợi cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Giải quyết hòa bình các vấn đề biên giới, lãnh thổ, biển đảo với các nước liên quan.

+ Mở rộng quan hệ đối ngoại theo hướng đa phương hóa, đa dạng hóa (thiết lập, mở rộng quan hệ với các nước, tham gia tích cực tại Liên hiệp quốc...).

+ Tham gia các tổ chức kinh tế quốc tế (tham gia AFTA, APEC, WTO).

+ Thu hút đầu tư nước ngoài, mở rộng thị trường, tiếp thu khoa học công nghệ và kỹ năng quản lý.

+ Từng bước đưa hoạt động của các doanh nghiệp và cả nền kinh tế vào môi trường cạnh tranh.

**- Ý nghĩa:**

+ Kết hợp nội lực với ngoại lực, hình thành sức mạnh tổng hợp góp phần đưa đến những thành tựu kinh tế to lớn.

+ Giữ vững, củng cố độc lập tự chủ, định hướng xã hội chủ nghĩa.

+ Nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

### **3.2. Hạn chế và nguyên nhân**

- Trong quan hệ với các nước, nhất là các nước lớn chúng ta còn lúng túng, bị động...

- Một số chủ trương, cơ chế, chính sách chậm được đổi mới so với yêu cầu mở rộng quan hệ đối ngoại, hội nhập kinh tế quốc tế; luật pháp, chính sách quản lý kinh tế - thương mại chưa hoàn chỉnh.

- Chưa hình thành được một kế hoạch tổng thể và dài hạn về hội nhập kinh tế quốc tế và một lộ trình hợp lý cho việc thực hiện các cam kết.

- Doanh nghiệp nước ta còn yếu cả về sản xuất, quản lý và khả năng cạnh tranh.

- Đội ngũ cán bộ công tác đối ngoại còn thiếu và yếu; công tác tổ chức chỉ đạo chưa sát và chưa kịp thời.

## **II. LƯỢNG GIÁ**

1. Hội nhập kinh tế quốc tế là gì?

2. Việt Nam gia nhập WTO: Cơ hội và thách thức?

3. Phân tích đường lối đối ngoại hội nhập kinh tế quốc tế thời kỳ đổi mới?